

BÀI 4. YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Hải khẩu linh từ – Đèn thiêng cửa bể* (Trích – Đoàn Thị Điểm)

VB2: *Muối của rừng* (Trích – Nguyễn Huy Thiệp)

Thực hành đọc: *Bến trần gian* (Trích – Lưu Sơn Minh)

2. Thực hành tiếng Việt: Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học

4. Nói và nghe: Trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN:

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC

Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i>. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,...; đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này các thể loại truyện khác. - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học. - Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học. - Viết được bài văn nghị luận về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo

	trong một (hoặc một nhóm) tác phẩm văn học. - Biết trình bày bài so sánh, đánh giá các tác phẩm văn học, qua đó làm nổi bật những yếu tố vay mượn, cải biến, sáng tạo của một tác phẩm so với tác phẩm mà nó chịu ảnh hưởng.
--	---

II. PHẨM CHẤT

- Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý bảo vệ thiên nhiên; có lối sống hòa hợp với thế giới tự nhiên.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 35, 36

VĂN BẢN 1: HẢI KHẨU LINH TỬ (ĐÈN THIÊNG CỬA BÊ)

(Trích)

Đoàn Thị Diễm

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, hiểu HS:**

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện, nhân vật trong truyện truyền kì.
- Thông qua đọc bản dịch và tìm hiểu cước chú, phân tích được một số khía cạnh nghệ thuật cụ thể của truyện: ngôn ngữ, thủ pháp,...
- Nhận diện, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện (nhân vật, sự kiện, thủ pháp,...), so sánh với truyện cùng loại (Ví dụ: *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*, SGK Ngữ văn 10, tập một).

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm; phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm.

2. Phẩm chất: Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý lịch sử, văn hoá, văn học của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric, bảng kiểm đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát Clip, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - HS quan sát đoạn Clip: https://www.youtube.com/watch?v=kYzPs7_qxSE&t=3351s (23:21 – 27: 36) - Trả lời câu hỏi: + Xác định các nhân vật trong Clip trên. + Tình huống nào được gợi ra qua đoạn đối thoại giữa các nhân vật? + Qua đoạn Clip, anh/chị có cảm nhận gì về nàng Bích Châu? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS HS xem Clip, suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi. - GV quan sát, gợi ý nếu HS gặp khó khăn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và dẫn vào bài học => Trong muôn vàn câu chuyện kì ảo chúng ta đã từng đọc, từng biết, từng nghe, từng xem, có lẽ câu chuyện về nàng Bích Châu – một nữ trung hào kiệt triều Trần để lại những	- Các nhân vật trong Clip: + Nàng Bích Châu + Vua Trần + Quan quân - Tình huống gợi ra qua đoạn đối thoại giữa các nhân vật: - Đất nước lâm nguy, vua Trần trấn trở, nàng Bích Châu hiến kế an dân, ý hợp lòng vua. Vua Trần ban bố 10 kế của nàng cho quan quân và nhân dân cả nước. - HS chia sẻ cảm nhận cá nhân về nhân vật nàng Bích Châu qua đoạn Clip.

ấn tượng thật khó quên. Hãy cùng nhau đọc văn bản “Hải khẩu linh từ” để hiểu rõ hơn về nhân vật và sức hấp dẫn của nghệ thuật kể truyện.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về truyện truyền kì, yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi: **Ai nhanh hơn?**

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh, đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn? bằng hình thức trắc nghiệm - GV nêu nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1. Tất cả HS trong lớp tự đọc thầm Tri thức Ngữ văn (khoảng 5 phút) Nhiệm vụ 2. HS gấp lại SGK, sau khi nghe GV đọc dứt từng câu hỏi, HS xung phong trả lời (mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm) - Bộ câu hỏi trắc nghiệm: Hãy chọn tất cả các đáp án đúng: Câu 1. Nguồn gốc truyện truyền kì (từ đâu, khi nào?) A. Cuối đời Đường B. Trung Quốc C. Đại Việt D. Hậu Lê E. Nhật Bản F. Thời Tống G. Cuối thời Minh Trị (Đáp án: A,B) Câu 2. Truyện truyền kì phát triển trên nền tảng nào? A. Những tín ngưỡng văn hoá trong đời sống tinh thần của các dân tộc B. Trí tưởng tượng của các nhà văn trung đại C. Thần thoại, truyền thuyết,.. của văn học dân gian D. Tài năng ngôn ngữ của tác giả dân gian (Đáp án: A,C) Câu 3. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì hiện diện ở những thành phần cấu tạo nào của tác phẩm? A. Nhân vật	I. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn 1. Truyện truyền kì - Thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc. - Thuật ngữ <i>truyện kì</i> xuất hiện vào cuối đời Đường. - Truyện truyền kì phát triển trên nền tảng thần thoại, truyền thuyết,.. của văn học dân gian và những tín ngưỡng văn hoá trong đời sống tinh thần của các dân tộc. 2. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì - Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì hiện diện ở mọi thành phần cấu tạo chủ yếu của tác phẩm như: Nhân vật, sự việc, thủ pháp nghệ thuật. - Nhân vật kì ảo trong truyện truyền kì có những đặc điểm: + Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá,.. + Nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác,... với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt.

- B. Sự việc
- C. Giọng điệu
- D. Thủ pháp nghệ thuật

(Đáp án: A,B,D)

Câu 4. Nhân vật kì ảo trong truyện truyền kì có những đặc điểm

- A. Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá,..
- B. Nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác,... với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt.
- C. Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành một đối tượng phản ánh đặc biệt, nhằm thể hiện các ý niệm, khắc hoạ bức tranh phong phú về đời sống.
- D. Nhân vật thuộc về một tuyến nhất định (xấu – tốt, cao cả - thấp hèn,...) và có tính chức năng (do vậy mà hành động khá đơn điệu).
- E. Nhân vật được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật riêng của tác giả.

(Đáp án: A,B,C,E)

Câu 5. Sự việc kì ảo trong truyện truyền kì có những đặc điểm

- A. Các tình tiết, sự kiện, hành động,... kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc.
- B. Tình huống tâm lí đa dạng, phức tạp.
- C. Không gian và thời gian khác lạ, bất thường.
- D. Không gian cõi tiên với cảnh tượng kì thú; không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng; thiên nhiên sóng cuộn gió gào gọi cảm giác sợ hãi,...
- E. Thời gian ban đêm mang đến ấn tượng huyền bí; thời gian hư ảo gợi ấn tượng về sự tĩnh tại, vĩnh hằng,...

(Đáp án: A,C,D,E)

Câu 6. Thủ pháp nghệ thuật trong truyện truyền kì có những đặc điểm

- A. Kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo với yếu tố thực.
- B. Hoà trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ,...);
- C. Thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến.
- D. Sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức.

(Đáp án: A,B,C,D)

+ Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành một đối tượng phản ánh đặc biệt, nhằm thể hiện các ý niệm, khắc hoạ bức tranh phong phú về đời sống.

+ Nhân vật được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật riêng của tác giả.

- **Sự việc kì ảo** trong truyện truyền kì có những đặc điểm:

+ Các tình tiết, sự kiện, hành động,... kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc.

+ Không gian và thời gian khác lạ, bất thường.

+ Không gian cõi tiên với cảnh tượng kì thú; không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng; thiên nhiên sóng cuộn gió gào gọi cảm giác sợ hãi,...

+ Thời gian ban đêm mang đến ấn tượng huyền bí; thời gian hư ảo gợi ấn tượng về sự tĩnh tại, vĩnh hằng,...

- **Thủ pháp nghệ thuật** trong truyện truyền kì có những đặc điểm:

+ Kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo với yếu tố thực.

+ Hoà trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ,...);

+ Thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến.

+ Sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức.

- **Vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì:**

Câu 7. Vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì A. Nhằm lí giải ước mơ, khát vọng của con người. B. Nhằm lí giải một nội dung hiện thực nhất định. C. Nhằm nhân hóa các lực lượng tự nhiên. D. Tạo nên sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì,... của tác phẩm. (Đáp án: B,D) Câu 8. Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì A. Đan xen tản văn với biên văn và vận văn B. Thường sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ. C. Ưu hình thức biểu đạt cầu kì, khoa trương, phóng đại. D. Chuộng ngôn từ hoa mỹ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng,... (Đáp án: A,B,C,D) Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo, thảo luận - HS đọc Tri thức Ngữ văn thu thập thông tin khoảng 5 phút. - HS gấp lại SGK, theo dõi câu hỏi, suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi bằng hình thức xung phong. - HS khác quan sát, bổ sung, nhận xét cho bạn. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV hệ thống, chốt kiến thức. - GV đánh giá phần tìm hiểu Tri thức Ngữ văn của HS; khen thưởng hoặc cho điểm theo kết quả HS trả lời.	+ Nhằm lí giải một nội dung hiện thực nhất định. + Tạo nên sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì,... của tác phẩm. - Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì: + Đan xen tản văn với biên văn và vận văn + Thường sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ. + Ưu hình thức biểu đạt cầu kì, khoa trương, phóng đại. + Chuộng ngôn từ hoa mỹ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng,...
--	--

2.2: Đọc văn bản và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Đoàn Thị Điểm và văn bản *Hải khẩu linh từ* (Đền thiêng cửa bể).

b. Nội dung hoạt động: Học sinh đọc văn bản, thảo luận cặp đôi, hoàn thiện bảng kiến thức, thuyết trình về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: Bảng kiến thức về tác giả, văn bản và phần thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu 5 HS đọc từng phần, nhắc các em về các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản và những chú ý bên dưới. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (có thể đọc trước ở nhà và tóm tắt văn bản) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS đọc một số đoạn của văn bản + tóm tắt	II. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Đoàn Thị Điểm <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh - mất</td><td>Đoàn Thị Điểm, biệt hiệu Hồng Hà nữ sĩ (1705 - 1748).</td></tr> <tr> <td>Quê</td><td>Làng Giai Phạm, huyện</td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh - mất	Đoàn Thị Điểm, biệt hiệu Hồng Hà nữ sĩ (1705 - 1748).	Quê	Làng Giai Phạm, huyện
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể						
Năm sinh - mất	Đoàn Thị Điểm, biệt hiệu Hồng Hà nữ sĩ (1705 - 1748).						
Quê	Làng Giai Phạm, huyện						

văn bản.

- HS nhận xét, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV cũng có thể đọc mẫu một đoạn và hướng dẫn HS chọn giọng đọc phù hợp với nội dung văn bản.

- Nhắc HS chú ý nghĩa của các từ ngữ được giải thích ở từng chân trang trong SGK.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên nêu yêu cầu:

HS làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc văn bản, kết hợp với tự tìm hiểu trước ở nhà, hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và văn bản:

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Năm sinh – mất	
Quê quán	
Gia đình	
Vị trí	
Các tác phẩm tiêu biểu	

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Xuất xứ	
Thể loại	
Hệ thống nhân vật trong truyện	
Nhân vật chính	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi.

- GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả và văn bản dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị.

- HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

quán	Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).
Gia đình	Sinh ra trong một gia đình có truyền thống khoa bảng.
Vị trí	- Bà từng mở trường dạy học và có công dạy học cho cung nữ trong phủ chúa Trịnh. - Là người tài sắc, biết nghề làm thuốc, văn chương nổi tiếng đương thời.
Các tác phẩm tiêu biểu	- <i>Truyện kì tân phả</i> và bản dịch (diễn âm). - <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> (nguyên tác Hán văn của Đặng Trần Côn).

2. Văn bản *Hải khẩu linh từ*.

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Xuất xứ	Trích <i>Truyện kì tân phả</i> (Cuốn phả mới về truyện “Truyện kì”).
Thể loại	Truyện truyền kì.
Hệ thống nhân vật trong truyện	Vua Trần Duệ Tông, Bích Châu, các phụ lão, Giao thần, vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Trọng Ý, Lương Thế Vinh, Quảng Lợi vương,...
Nhân vật chính	Nàng Bích Châu – một cung phi đời Trần, tài sắc đức độ, một lòng vì non sông đất nước.

2.3: Khám phá văn bản

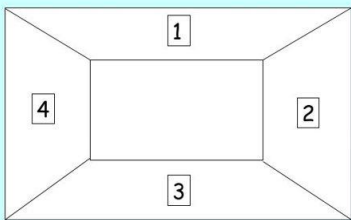
a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện, nhân vật trong truyện truyền kì.
- Thông qua đọc bản dịch và tìm hiểu cước chú, phân tích được một số khía cạnh nghệ thuật cụ thể của truyện: ngôn ngữ, thủ pháp,...
- Nhận diện, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện (nhân vật, sự kiện, thủ pháp,...), so sánh với truyện cùng loại (Ví dụ: *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*, SGK Ngữ văn 10, tập một).
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm; phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để khám phá nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức tiết dạy theo kĩ thuật khăn trải bàn Kĩ thuật dạy học “<i>Khăn trải bàn</i>”  - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận Nhóm 1: Tìm hiểu cốt truyện truyền kì <u>Cu thể:</u> Sơ đồ hóa các sự kiện chính liên quan tới nhân vật nàng Bích Châu Nhóm 2: Tìm hiểu nhân vật truyền kì <u>Cu thể:</u> - Thông qua lời can gián, suy nghĩ và hành động của nàng Bích Châu, bạn có nhận xét gì về phẩm chất, đức tính của mẫu hình người phụ nữ mà tác giả đã xây dựng trong truyện? - Bình luận về chi tiết nàng Bích Châu	III. Khám phá văn bản 1. Cốt truyện li kì Sơ đồ hóa các sự kiện chính liên quan tới nhân vật nàng Bích Châu (xem bên dưới) 2. Nhân vật xuất chúng - Vẻ đẹp nàng Bích Châu: + Khi nhà vua muốn dấy binh thảo phạt Chiêm Thành, Bích Châu dâng biểu can gián, khuyên vua nên rộng lượng, dừng việc binh đao. -> Bích Châu là con người vừa có tính cách cương trực, vừa có lòng bao dung, thương yêu dân chúng, ghét cảnh chiến tranh; nàng biết suy nghĩ những điều gốc rễ của chính sự quốc gia, lo lắng cho nền trị bình của đất nước,... + Khi Giao thần buộc nhà vua phải cống nạp phi tần, đúng vào lúc đất nước gặp nạn, mặc dù nhà vua không chuẩn thuận nhưng Bích Châu vẫn quyết gieo mình xuống biển, tự nộp thân mình để giải gỡ mối nguy trước mắt của quan quân. -> Nàng là con người quyết liệt, một lòng vì nghĩa vong thân, vì an nguy của đất nước mà dũng cảm hi sinh,...

hiển linh giúp vua thắng trận và việc nàng được lập đền thờ.

Nhóm 3: Tìm hiểu thủ pháp truyền kì **Cụ thể:**

- Lập bảng thống kê các sự kiện, nhân vật, chi tiết,... có tính chất linh thiêng, kì ảo xuất hiện trong văn bản.

STT	Sự kiện, chi tiết	Nhân vật	Vị trí ngữ cảnh xuất hiện
1			
2			
...			

- Sự đan xen giữa yếu tố lịch sử và yếu tố kì ảo trong câu chuyện đã đóng vai trò như thế nào trong việc thể hiện thông điệp của tác phẩm?

- Trong số các chi tiết, sự việc kì ảo trong *Đền thiêng của bề*, theo bạn, chi tiết hoặc sự việc nào hấp dẫn hơn cả? Vì sao?

Nhóm 4: Tìm hiểu quan điểm hiện thực của tác giả

Cụ thể:

- Nêu suy nghĩ của bạn về quan điểm hiện thực của tác giả thể hiện qua:

+ Việc miêu tả “bộ máy nhà nước” của Quảng Lợi vương.

+ Nội dung hai bức thư trao đổi của vua Lê Thánh Tông và Quảng Lợi vương.

Nhóm 5: Tìm hiểu nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ đối thoại trong văn bản

Cụ thể:

- Hoàn thành Bảng khảo sát lời thoại:

Số lượt lời thoại	
Đặc điểm lời thoại	

=> **Nàng Bích Châu được xây dựng với những đức tính, phẩm chất ngời sáng: trung trinh, kiên định; có trí tuệ sắc sảo và tinh thần trượng nghĩa; có lòng nhân từ khoan hậu và đức hi sinh;...**

- Ý nghĩa của hình tượng Bích Châu:

+ Khi sống, nàng Bích Châu vẹn một lòng trung trinh.

+ Khi sang thế giới bên kia, nàng hiển linh hai lần: Lần thứ nhất, nàng giải bày mối oan khuất với vua Lê; lần thứ hai, nàng tỏ bày sự “không được yên lòng về chỗ vua tôi, chồng vợ” vì ý kết của bài thơ nhà vua ngự đề trên miếu thờ. Nhà vua thể theo tâm nguyện của nàng mà sửa lại.

-> Chết mà không mất, linh hồn Bích Châu vẫn một lòng theo giúp minh quân.

=> **Bích Châu trung nghĩa với nước non, vẹn toàn tình phu thê, nàng chính là mẫu hình người phụ nữ xuất chúng, trở thành một biểu tượng bất tử trong lòng nhân dân.**

3. Thủ pháp truyền kì

- Bảng thống kê các sự kiện, nhân vật, chi tiết,... có tính chất linh thiêng, kì ảo xuất hiện trong văn bản (xem bên dưới)

- **Sự đan xen giữa yếu tố lịch sử và yếu tố huyền thoại**

+ Sự đan xen giữa yếu tố lịch sử và yếu tố huyền thoại trong câu chuyện được tác giả “tổ chức” ở nhiều tầng bậc và khía cạnh:

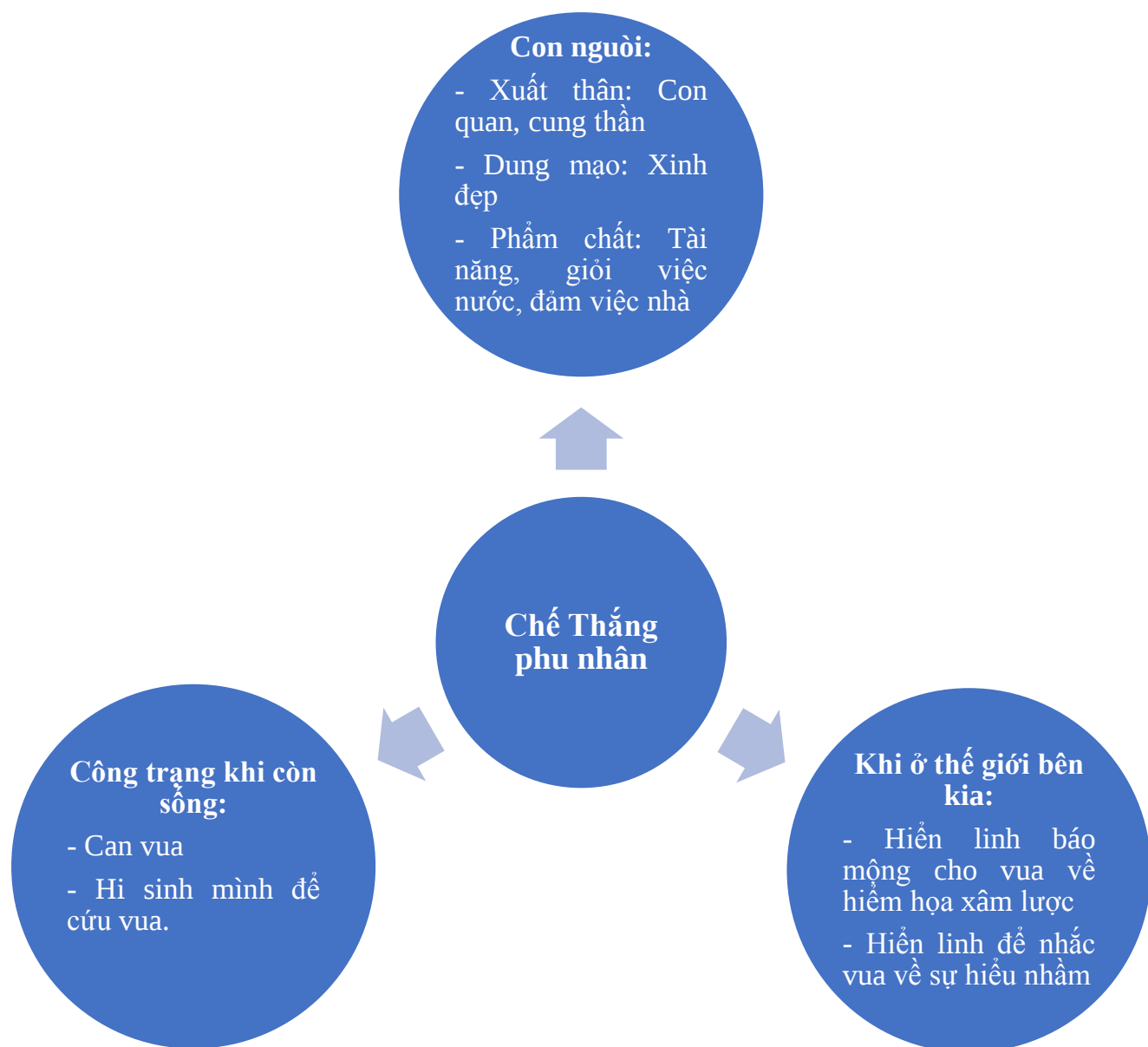
++ Cốt lõi là các sự thật lịch sử (sự nghiệp mở rộng bờ cõi của các vua đời Trần và đời Lê; ngôi đền thờ Chế Thắng phu nhân ở Hà Tĩnh;...).

++ Các chi tiết, nhân vật, sự kiện kì ảo xuất hiện gắn liền từ đầu đến cuối thiên truyện (Giao thần cản trở, Bích Châu hiển mạng cứu nguy; thủy quốc của Quảng

Tác dụng của lời thoại		Lợi vương; viên ngọc minh châu; Bích Châu hiển linh;...).
- Trình bày nhận xét về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ đối thoại trong văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (tùy theo từng nhiệm vụ được giao). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm báo cáo sản phẩm: + Lượt 1: ++ Đại diện nhóm 1 báo cáo. Nhóm 2 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 1 + Lượt 2: ++ Đại diện nhóm 2 báo cáo. Nhóm 3 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 2 + Lượt 3: ++ Đại diện nhóm 3 báo cáo. Nhóm 4 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 3 + Lượt 4: ++ Đại diện nhóm 4 báo cáo. Nhóm 5 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 4 + Lượt 5: ++ Đại diện nhóm 5 báo cáo. Nhóm 1 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 5 Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổ chức nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm theo Rubric và bảng kiểm, chốt vấn đề.		+ Sự đan xen giữa yếu tố lịch sử và yếu tố huyền thoại trong truyện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp việc thể hiện nội dung tư tưởng - chủ đề của tác phẩm được trọn vẹn và hấp dẫn, lôi cuốn: ++ Nền trị bình của đất nước là thiêng liêng, chính sự quốc gia là việc hệ trọng, mỗi người đều phải có khát vọng phụng sự. ++ Các thế lực siêu nhiên cũng theo đó mà chịu nhượng bộ, bị “khuất phục” trước ý chí kiên định, tâm lòng vì nghĩa chân chính của con người. ++ Con người, nếu giữ trọn đạo nghĩa, biết hiến dâng cho mục đích cao đẹp thì sẽ được hoá thân vào lịch sử, trở nên linh thiêng bất tử;... - Chi tiết kì ảo đặc sắc: Chi tiết nàng Bích Châu hiển linh giáng trần sau khi u hồn đã được tế độ, nàng “trò chuyện” với vua Lê Thánh Tông và “thắc mắc” về hai câu kết bài thơ nhà vua ngự đề ở ngôi miếu thờ. Chi tiết này chứng tỏ: Dẫu là tiên cũng vẫn tưởng nghĩ đến ân nghĩa vua tôi, chồng vợ; Bích Châu quả là bậc “anh kiệt trong đám nữ lưu”, đáng được ngợi ca, truyền tụng. 4. Quan điểm hiện thực - “Quan điểm hiện thực” nói đến ở đây chính là cách nhìn nhận, xem xét, đánh giá,... của tác giả đối với các hiện tượng của đời sống (lịch sử, xã hội; hiện thực cuộc sống,...). - “Quan điểm hiện thực” trong truyện: + “Bộ máy nhà nước” của Quảng Lợi vương: Theo thiết chế, mô hình bộ máy cai trị của nhà nước phong kiến (đương thời, đời Lê); đứng đầu là nhà vua, bên dưới là “nội các” gồm các “ban”, “bộ”, “ngành”/ với

	các chức quan, phẩm hàm,..., tương ứng theo một tôn ti trật tự cụ thể, tức có “hiển chương”, pháp độ rõ ràng. + Nội dung hai bức thư trao đổi của vua Lê Thánh Tông và Quảng Lợi vương: Lời lẽ đối đãi theo phép tắc ngoại giao; chuẩn mực xã hội và kỉ cương phép nước được đề cao; chính tà phân rõ, luân thường đạo lý được coi trọng; kẻ biết trọng danh dự, giữ tiết tháo được nể vì;... => Quan điểm về hiện thực lịch sử, xã hội của tác giả: Đề cao vương đạo - phép nước theo tinh thần Nho giáo; coi trọng sự ổn định xã hội và tính tôn ti trật tự của thiết chế nhà nước; đề cao phẩm cách cá nhân, đạo lí làm người;... 5. Ngôn ngữ đối thoại - Số lượt: Trên 30 lời thoại. - Đặc điểm lời thoại: + Các nhân vật chính đều có lời thoại trực tiếp. + Kết hợp lời thoại trong “hiện thực lịch sử” và lời thoại của các nhân vật thuộc hai thế giới hữu hình và vô hình,... + Lời thoại tương thích với nội dung và diễn biến câu chuyện,... => Điều này đã góp phần làm nên sự hấp dẫn của câu chuyện và mang lại sự thuyết phục trong việc thể hiện chủ đề – tư tưởng của tác phẩm.
--	---

Sơ đồ hóa các sự kiện chính liên quan tới nhân vật nàng Bích Châu



Bảng thống kê các sự kiện, nhân vật, chi tiết,... có tính chất linh thiêng, kì ảo

STT	Sự kiện, chi tiết	Nhân vật	Vị trí ngữ cảnh xuất hiện
1	Thần miếu ở phía trước rất hiển linh, nếu đến đó lễ bái thì sẽ được thuận buồm xuôi gió.		Giới thiệu bối cảnh
2	“Bích Châu ngựa mặt lên xem tượng trời, thấy một đám mây đen”. Ứng nghiệm liền sau đó “Bỗng một trận gió lốc cuồn cuộn thổi vào thuyền vua, lớp lớp cờ đào bị gió cuốn sang phía tây nam”.	Nhân vật Bích Châu	Trên đất Kỳ Hoa
3	Đô đốc vùng biển Nam nanh to râu xồm, diện mạo hung tợn, đầu đội mũ lưu tinh, mình mặc áo gấm vảy, bước	Giao thần	Giao thần xuất hiện

	dài, cúi đầu, nghiêng mình, lắc lư đi thẳng đến trước mặt vua thi lễ.		
4	Một người con gái, nhan sắc rất đẹp, từ dưới nước hiện lên, lạy khóc, kể sự tình rồi giao ngọc minh châu.	Linh hồn Bích Châu	Bích Châu hiện linh lần 1 trong giấc mộng của vua Lê Thánh Tông
5	Vụ xử án của Quảng Lợi Vương.	Quảng Lợi vương	Nơi thủy cung
6	Quang cảnh thủy cung kì lạ.		
7	Nhà vua thấy một mỹ nhân vẽ mặt đoan trang, mặc áo trắng thướt tha về câu kết bài thơ ngự đề vàng ngọc ở trên tường.	Linh hồn Bích Châu	Bích Châu hiện linh lần 2

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

<i>Cấp độ</i> <i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i> <i>(4 điểm)</i>	<i>Khá</i> <i>(3 điểm)</i>	<i>Trung bình</i> <i>(2 điểm)</i>	<i>Cần điều chỉnh</i> <i>(1 điểm)</i>
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lảng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều

	nhóm.	của nhóm.	nhóm.	chỉnh hoặc thay đổi.
--	-------	-----------	-------	----------------------

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, tư tưởng, chủ đề của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - Nêu nội dung, chủ đề, tư tưởng của văn bản. - Theo anh/chị, những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nội dung Câu chuyện ca ngợi tấm gương tài sắc vẹn toàn, bao dung đôn hậu; một lòng trung nghĩa, vì nước quên thân,... của nàng Bích Châu, người phụ nữ tài sắc vẹn toàn, một lòng vì non sông đất nước; đồng thời gián tiếp đề cập quá trình thống nhất giang sơn của các triều đại phong kiến. 2. Nghệ thuật - Sự đan xen giữa yếu lịch sử và yếu tố kì ảo. - Sự kiện, nhân vật, chi tiết,... có tính chất linh thiêng, kì ảo. - Ngôn ngữ đối thoại được tác giả sử dụng khá nhuần nhuyễn, tự nhiên, tương thích với nội dung và diễn biến câu chuyện.

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại truyện truyền kì

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản truyện truyền kì.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu văn bản <i>Đền thiêng của bề</i> của tác giả Đoàn Thị Điểm, em hãy rút ra cách đọc hiểu một văn bản truyện truyền kì. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Cách đọc hiểu một văn bản truyện truyền kì - Xác định đề tài, cốt truyện và hệ thống sự kiện. - Phân tích nhân vật truyền kì. - Nhận xét về ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ đối thoại. - Đánh giá các yếu tố kì ảo. - Vận dụng hiểu biết lịch sử và thời đại để hiểu quan điểm hiện thực tác giả gửi gắm qua tác phẩm.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, kết nối đọc và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Đoạn văn cảm nhận về nhân vật của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về hình tượng nhân vật Bích Châu trong tác phẩm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp khoảng 10 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 2-3 HS trình bày kết quả
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời theo bảng kiểm:

Bảng kiểm đánh giá bài viết của HS

Tiêu chí		Mô tả tiêu chí	Kết quả	
			Đạt	Chưa đạt
Hình thức		Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.		
Xác định đúng vấn đề nghị luận		Cảm nhận về hình tượng nhân vật Bích Châu trong tác phẩm.		
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Cảm nhận chung về nhân vật Bích Châu.		

		Cảm nhận cụ thể về nhân vật Bích Châu: Tài sắc vẹn toàn, bao dung đôn hậu; một lòng trung nghĩa, vì nước quên thân;... Tác giả đã xuất phát từ cảm quan luân lí, đạo đức và tư tưởng Nho học chính thống để xây dựng một mẫu hình nhân vật người phụ nữ lí tưởng.		
		Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nhân vật Bích Châu.		
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp		
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 luận điểm		
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp		
	Lí lẽ - dẫn chứng	Lập luận chặt chẽ, thuyết phục		
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp		
Sáng tạo		Suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc, diễn đạt mới mẻ		

Đoạn văn tham khảo

Hồng Hà nữ sĩ đã hư cấu nên nhân vật Bích Châu để chuyển tải tư tưởng của bà chẳng, hay nàng cung nhân xinh đẹp và trí tuệ ấy là nhân vật lịch sử có thật? Nguyễn Thị Bích Châu đã được suy tôn thành một vị thánh, một vị Thượng đẳng thần mà nhân dân và các triều đại phong kiến Việt Nam thờ phụng. Nàng Bích Châu trong tác phẩm tài sắc vẹn toàn, bao dung đôn hậu; một lòng trung nghĩa, vì nước quên thân,... Dâng lên vua Kê minh thập sách, nàng muốn hiến kế sách an dân trị nước cho muôn đời. Kê minh thập sách thể hiện sự thông tuệ và hiểu rõ thời cuộc của tác giả – một người phụ nữ đầy quả cảm. Bà khuyên nhà Vua trước tiên cần “bền gốc” nhằm ổn định cuộc sống người dân, từ tham quan, ổn định triều đình, sau đó mới rèn luyện binh tướng nhằm có quân mạnh thì mới nên đánh Chiêm Thành. Tác phẩm có giá trị thức tỉnh, gợi dẫn, chỉ bảo về chiến lược trị quốc, không chỉ có ý nghĩa đương thời mà còn có giá trị đến tận hôm nay. Với *Hải khẩu linh từ*, Đoàn Thị Điểm đã xuất phát từ cảm quan luân lí, đạo đức và tư tưởng Nho học chính thống để xây dựng một mẫu hình nhân vật người phụ nữ lí tưởng.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Hải khẩu linh từ* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.
- b. Nội dung:** Thực hiện bài tập vận dụng.
- c. Sản phẩm:** Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS (theo nhóm sở thích) sáng tạo một sản phẩm bất kì tùy thuộc năng lực cá nhân (ngôn ngữ, vũ đạo, diễn xuất, điêu khắc, hội họa,...) với chủ đề: Nàng Bích Châu – Nữ trung hào kiệt nước Nam.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS quay lại quá trình làm sản phẩm theo nhóm nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc nộp trực tiếp cho giáo viên (hạn sau 3 – 5 ngày).

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS, nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá sản phẩm vận dụng

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo hình thức loại hình nghệ thuật đã chọn.	2,0
Nội dung	Thể hiện đúng chủ đề: Nàng Bích Châu – Nữ trung hào kiệt nước Nam.	3,0
Trình bày	Trình bày sinh động, hấp dẫn.	2,0
Sáng tạo	Thể hiện được năng lực đặc biệt, chạm tới trái tim người thưởng thức.	3,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản truyện truyền kì.

- Chuẩn bị bài:

1. Tìm đọc trước các truyện ngắn của tác giả Nguyễn Huy Thiệp.
2. Đọc và chuẩn bị Văn bản 2. *Muối của rừng* (Trích – Nguyễn Huy Thiệp).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết 37,38 . VĂN BẢN 2

MUỐI CỦA RỪNG

(Nguyễn Huy Thiệp)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại.
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và tri thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.
- HS biết so sánh, đánh giá các tác phẩm văn học có những mối liên hệ nhất định với nhau, làm rõ được những yếu tố vay mượn, cải biên,...

2. Về năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

3. Về phẩm chất:

- HS có ý thức trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, có lối sống hoà hợp với thế giới tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12 (tập một), Tư liệu về Nguyễn Huy Thiệp

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Muối của rừng*

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề. HS lắng nghe, suy nghĩ.

c. Sản phẩm: HS chia sẻ về câu chuyện của mình, lắng nghe chia sẻ của người khác và định hướng bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ <i>Em hãy kể tên một số tác phẩm có yếu tố kì ảo trong văn học hiện đại? Nêu cảm nhận về các yếu tố kì ảo trong tác phẩm đó</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ, thực hiện B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày kết quả làm việc của mình. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức <i>Trong các tác phẩm truyện kể, bên cạnh các yếu tố như cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, người kể chuyện... thì yếu tố kì ảo đóng vai trò khá quan trọng. Yếu tố kì ảo góp phần tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện, đồng thời thể hiện quan niệm của tác giả về thế giới và con người.</i>	HS kể tên và nêu cảm nhận về các yếu tố kì ảo trong tác phẩm: Alice ở Xứ Sở Thần Tiên: là cuốn tiểu thuyết dành cho thiếu nhi của tác giả người Anh Charles Lutwidge Dodgson dưới bút danh Lewis Carroll viết năm 1865. Câu chuyện kể về cô bé Alice chui qua một hang thỏ rồi lạc vào thế giới thần tiên có những sinh vật kì lạ. Vàng và Máu (Thế Lữ): có màu sắc huyền bí, rừng rợn, thể hiện những góc khuất trong tâm hồn con người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được thông tin cần thiết về tác giả Nguyễn Huy Thiệp, văn bản *Muối của rừng*.
- Hs đọc, hiểu nội dung

b. Nội dung:

- Gv hướng dẫn HS đọc và thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: Gv hướng dẫn cách đọc: - Đọc rõ ràng, mạch lạc. - Nghe nhìn SGK và gạch chân ở những từ ngữ quan trọng. 2. Tác giả HS tìm hiểu tác giả và trả lời câu hỏi: - Trình bày những thông tin cơ bản về tác giả. - Nêu ấn tượng đặc biệt nhất của em về Nguyễn Huy Thiệp. 3. Tác phẩm - Trình bày những thông tin cơ bản về tác phẩm. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản, rút ra thông tin cần thiết. B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, kết luận,	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nguyễn Huy Thiệp (1950- 2021). Quê ở Hà Nội. - Sáng tác kịch, tiểu thuyết, thơ, viết tiểu luận nhưng thành tựu đặc sắc nhất của ông là truyện ngắn - Đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp: + Có cái nhìn sắc lạnh về hiện thực và lịch sử, thể hiện được sự phồn tạp, bí ẩn của đời sống. + Bút pháp cô đọng, dồn nén, ngôn ngữ giàu tính đối thoại => Là một cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. 2. Văn bản - Xuất xứ: in lần đầu trên báo <i>Văn nghệ</i> năm 1987 - Thể loại: Truyện ngắn - Chủ đề: Mối quan hệ giữa con người với đời sống tự nhiên

Nội dung 2: Khám phá văn bản**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được những chi tiết, hình ảnh trong văn bản *Muối của rừng*.
- Chỉ ra, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản *Muối của rừng*.
- Nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại qua văn bản *Muối của rừng*, liên hệ với yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì “Đền thiêng của bề”.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc và khám phá văn bản, thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Muối của rừng***d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia lớp thành 3 nhóm, thực hiện yêu cầu sau: - <i>Nên chia văn bản thành mấy</i>	II. Khám phá văn bản 1. Bố cục của văn bản		
	Đoạn VB	Vị trí đoạn VB	Nội dung chính của đoạn VB

đoạn? Tóm tắt nội dung từng đoạn bằng 1 câu thật ngắn gọn.			1	“Ông Diều... nặng nề”	Mùa xuân, ông Diều đi săn, gặp đàn khỉ và bắt trứng con khỉ đực
Đoạn VB	Vị trí đoạn VB	Nội dung chính của đoạn VB	2	“Sự hỗn loạn... buông mồi”	Ông Diều chứng kiến khỉ cái quay lại địu khỉ đực chạy đi
1			3	“Từ mô đá... từng đường nét”	Ông Diều bị khỉ con cướp súng và chứng kiến những sự lạ
2			4	“Có tiếng kêu... an toàn”	Ông Diều leo lên mỏm núi và cứu chữa con khỉ đực
...	...	...	5	“Ông Diều lần mò... con khỉ đực nằm”	Ông Diều ôm khỉ đực xuống núi rồi lại phóng sinh cho nó
			6	Phần còn lại	Ông Diều ra về và gặp hoa tử huyền

B2. Thực hiện nhiệm vụ
Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.

B3. Báo cáo thảo luận
Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Gv nhận xét, đánh giá

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Nhan đề truyện gợi cho bạn liên tưởng gì? Nêu ý nghĩa quan trọng của nhan đề?

B2. Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ và dự kiến ý

B3. Báo cáo thảo luận
HS trả lời, nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Gv nhận xét, chốt vấn đề.

Nhiệm vụ 3:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Giáo viên tổ chức HS thảo luận cặp đôi.
Xác định ngôi kể, điểm nhìn, sự kết hợp của lời người kể chuyện và lời nhân vật từ đó phân tích tác dụng của các yếu tố trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực và quan niệm của nhà văn.

B2. Thực hiện nhiệm vụ
Thảo luận cặp đôi.

B3. Báo cáo thảo luận
Cử đại diện trình bày những hiểu biết của nhóm - Các thành viên còn lại nhận xét, bổ sung

2. Nhan đề “Muối của rừng”

***Cách đặt nhan đề**

- Nhan đề gợi ra câu chuyện về thiên nhiên (như *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Chiếc lá cuối cùng* (O. Hen-ry - O. Henry),...
- Nhan đề gợi ra những chuyện lạ (vì bình thường thì muối gắn với biển)
- Nhan đề kết nối chặt chẽ với phần kết của câu chuyện: Ông Diều phóng sinh cho con khỉ, ra về gặp hoa tử huyền - “người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng”

***Mối quan hệ nhan đề và nội dung câu chuyện**
Đây là sự lặp lại có chủ ý của tác giả về kết cấu đề nhấn mạnh thông điệp: Con người sẽ được bình yên, no ấm khi biết sống hoà hợp với tự nhiên (“*Khi rừng kết muối, đây là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc*”).

3. Ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Ngôi kể: Ngôi kể thứ 3
- > Tạo tính khách quan, hấp dẫn cho câu chuyện.
- Điểm nhìn trần thuật ngôi thứ 3. Điểm nhìn đa dạng và có sự dịch chuyển linh hoạt: Điểm nhìn bên ngoài (*Khung cảnh khu rừng mùa xuân, diện mạo nhân vật chính*), điểm nhìn bên trong (*Các cung bậc cảm xúc của nhân vật*), điểm nhìn không gian (*Khu rừng mùa xuân, Hầm Chết*), thời gian (*Hành trình đi săn của ông Diều*), điểm nhìn của người kể chuyện (*Loài hoa tử huyền*), điểm nhìn của nhân vật ông Diều khi chứng kiến đời sống của đàn khỉ trong khu rừng.
- Sự kết hợp của lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- + Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể thứ 3
- + Lời nhân vật: Chủ yếu là độc thoại

thông tin. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề. Nhiệm vụ 4: Sống cùng nhân vật. B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm thực hiện các nhiệm vụ ở nhà. Nhóm 1: <i>Tìm hiểu về diện mạo và tình thế của nhân vật ở phần mở đầu và kết thúc truyện.</i> Nhóm 2: <i>Tìm các chi tiết cụ thể nói về hành động, nội tâm của nhân vật ông Diều ?</i> Nhóm 3: <i>Vẽ sơ đồ tư duy (Trên giấy A0) hoặc làm sơ đồ sử dụng trình chiếu tóm tắt hành động và các cung bậc cảm xúc của nhân vật ông Diều.</i> Nhóm 4: <i>Nhận xét về hình tượng nhân vật ông Diều.</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ được giao. B3. Báo cáo thảo luận Nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm B4: Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, chốt vấn đề.	-> Thể hiện cách đánh giá khách quan đối với đối tượng được miêu tả, định hướng việc hình dung mạch kể cho người đọc đồng thời thể hiện một cách tinh tế, sinh động tâm tư, tình cảm, hành động của nhân vật ông Diều. 4. Nhân vật ông Diều - Diện mạo và tình thế: + Đầu truyện: trang phục đầy đủ, mang theo súng săn, lương thực với tinh thần chủ động, tự tin. => Hình ảnh con người cao ngạo, làm chủ tự nhiên, khai thác, huỷ hoại tự nhiên để phục vụ cuộc sống của mình. + Cuối truyện: Sau khi bắn khí đực và cứu chữa rồi phóng sinh cho con mồi, trải qua nhiều cảm xúc và suy nghĩ, nhận thức, ông Diều “trần trụi như thế, cô đơn như thế” khi ra khỏi rừng. => Rừng đã tước đoạt của ông tất cả quần áo, thức ăn, vũ khí nhưng trả lại cho ông trạng thái tự nhiên, hòa hợp với đất trời trong mưa xuân dịu dàng. - Hành động: + Bắn hạ khí đực + Đuổi theo khí con khiến nó rơi xuống vực thẳm. + Tha chết cho khí đực và băng bó, phóng sinh cho nó. + Trở về nhà => Hành động tàn nhẫn -> Hành động thức tỉnh nhân sinh. - Nội tâm: + Khi chứng kiến đời sống của đàn khí trong khu rừng mùa xuân -> ý nghĩ cực đoan, định kiến. + Bắn khí đực -> sợ hãi run lên + Khí cái liều mình cứu khí đực -> tức giận, buồn bã + Khí con rơi xuống vực -> kinh hoàng + Khí đực run bắn lên nhìn ông cầu khẩn -> thương hại, khó chịu. + Khí cái cứ bám theo ông và con khí đực -> buồn bã, khổ tâm, buồn tê tái. + Phóng sinh khí đực, gặp hoa tử huyền -> cô đơn nhưng hạnh phúc. => Diễn biến tâm trạng tự nhiên, chân thực, phức tạp. SƠ ĐỒ TƯ DUY THAM KHẢO
--	---

Nhiệm vụ 5:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động trải nghiệm cho những người yêu truyện kể có yếu tố kì ảo.

- GV chia lớp thành các nhóm theo bàn.

- Câu hỏi cho các nhóm:

+ *Chọn lọc và ghi lại những chi tiết/ yếu tố kì ảo hấp dẫn nhất trong truyện kể?*

+ *Thảo luận nhóm và ghi lại ngắn gọn vai trò, ý nghĩa của yếu tố kì ảo đã lựa chọn?*

+ *So sánh tìm điểm khác biệt của chi tiết kì ảo trong truyện “Muối của rừng” với các chi tiết kì ảo trong “Đền thiêng cửa bể” của Đoàn Thị Điểm.*

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn.

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện một số nhóm HS đã đăng kí trước hoặc xung phong lên trình bày sản phẩm của nhóm.



- Nhận xét về hình tượng nhân vật

+ Nhân vật được khắc họa thành công qua tình huống, điểm nhìn linh hoạt, một số sự việc kì lạ đặc biệt qua hành động, nội tâm.

+ Hành trình đi săn cũng là **hành trình trải nghiệm, hành trình tự nhận thức, hành trình phục thiện** của nhân vật.

+ Hình tượng nhân vật điển hình giúp nhà văn gửi thông điệp cuộc sống: **Con người cần phải trân trọng bảo vệ và sống hòa hợp với tự nhiên.**

5. Vai trò của yếu tố kì ảo

* Yếu tố kì ảo trong truyện.

- Cảnh tượng ở Hòm Chết

+ Cảnh: “*Sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí*”

+ Khi con màu trắng: “*Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng*”, “*Tất cả như trong mộng mị*”

+ Tiếng kêu của khỉ đực “*Tựa như thần chết bực mình*” “*Lấp bắp nghe như tiếng của trẻ con*”

+ “*Núi lở ...Đoạn đường mà ông leo lên lúc này loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng, phẳng lì*”

+ Chỗ ông Diêu để quần áo “*Đùn lên một đống mồi to gần bằng cây rạ*”

- Hoa tử huyền (Chi tiết nghệ thuật đặc sắc): tên hoa do nhà văn hư cấu gợi liên tưởng về sự huyền hoặc, lạ lùng; 30 năm hoa mới nở một lần; Tình huống gặp hoa bất ngờ, ngoài dự kiến (*Lối đi khác, đầy bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết*);

* Vai trò, ý nghĩa của yếu tố kì ảo.

+ Tạo sự hấp dẫn, li kì, ấn tượng đặc biệt cho câu chuyện.

+ Thể hiện nhận thức: Thiên nhiên đầy bí ẩn, loài vật có phẩm tính và nhân tính. Thiên nhiên phần nộ khi bị hủy hoại. Sự cảnh cáo của thiên nhiên đối với con người.

+ Thiên nhiên tươi đẹp, luôn cho con người những

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề	điều tốt đẹp vì thế con người phải biết trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên. Chỉ khi ấy con người mới có được sự bình yên no ấm. * Điểm khác biệt của chi tiết kì ảo trong truyện với “Đền thiêng cửa bể” của Đoàn Thị Điểm. + <i>Đền thiêng cửa bể</i>: Có nhiều chi tiết kì lạ, nhân vật kì ảo, thủ pháp kì ảo, sự đối lập tương phản giữa yếu tố ảo và thực đóng vai trò nổi bật, làm nên đặc trưng của truyện truyền kì. + Truyện “<i>Muối của rừng</i>”: Nhà văn kiến tạo một số chi tiết có tính chất kì lạ, hiếm gặp để tạo tình huống đặc biệt nhằm bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại
--	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? - Những yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong truyện ngắn tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung B4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Câu chuyện về hành trình đi săn của ông Diều. - Khẳng định mối quan hệ giữa con người và tự nhiên: <i>Hòa hợp, trân trọng, khoan dung.</i> - Con người với chính mình: <i>Phải biết tự nhận thức, thức tỉnh, hướng thiện, hướng thượng.</i> 2. Nghệ thuật - Cốt truyện đơn giản. - Tình huống truyện hấp dẫn. - Nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật sinh động, chân thực, có tính biểu tượng. - Người kể chuyện và điểm nhìn hợp lí, linh hoạt. - Ngôn ngữ có tính đối thoại, độc thoại. - Yếu tố kì ảo được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật cao và tạo ấn tượng khó quên với độc giả.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - Kết nối Đọc- Viết

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao về nhà.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Văn bản được tạo lập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ: Viết đoạn văn trên giấy thi (<i>Khoảng 150 - 200 chữ</i>) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vai trò của yếu tố kì	Văn bản học sinh tạo lập khi soạn bài.

ảo trong truyện ngắn “ <i>Muối của rừng</i> ”. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân. B3. Báo cáo, thảo luận - Học sinh đọc phần viết (GV chọn 2-3 HS) - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Bảng điểm số thông qua rubric 2-3 bài trên lớp. - GV thu bài chấm và sửa kĩ năng viết đoạn văn nghị luận văn học cho học sinh.	
--	--

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (<i>khoảng 150- 200 chữ</i>)	0.5
Nội dung	Xây dựng dàn ý: Trình bày suy nghĩ về vai trò của chi tiết kì ảo trong truyện ngắn “ <i>Muối của rừng</i> ”	
	Giới thiệu vấn đề nghị luận	1.0
	- Chọn lọc một số chi tiết kì ảo đặc sắc: + <i>Sương mù dâng lên cuộn cuộn , trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí</i> khi con khỉ con rơi xuống và cất tiếng rú thê thảm. + Khi con màu trắng “ <i>Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng</i> ” + Chỗ ông Diều để quần áo “ <i>Đùn lên một đống mới to gần bằng cây rạ</i> ” + Chi tiết nghệ thuật đặc sắc: <i>Hoa tử huyền, rừng kết muối</i> điểm báo đất nước nước thanh bình, mùa màng phong túc. - Suy nghĩ về vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện: + Tạo sự hấp dẫn, li kì, ấn tượng cho câu chuyện. + Thể hiện nhận thức: Thiên nhiên đầy bí ẩn, loài vật có phẩm tính và nhân tính. Thiên nhiên phần nổi khi bị hủy hoại. Sự cảnh cáo của thiên nhiên với con người. + Thiên nhiên tươi đẹp, luôn cho con người những điều tốt đẹp vì thế con người phải biết trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên. Chỉ khi ấy con người mới có được sự bình yên no ấm. - Đánh giá khái quát VĐNL.	7.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1.0

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Một trong các yếu tố làm nên sức hấp dẫn đặc biệt trong truyện ngắn “*Muối của rừng*” của Nguyễn Huy Thiệp là việc sử dụng yếu tố kì ảo. Yếu tố kì ảo được chọn lựa có vai trò như một phương thức nghệ thuật phản ánh thực tại, thể hiện quan niệm nhân sinh sâu sắc của nhà văn về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Sự việc kì ảo bắt đầu xuất hiện khi ông Diều - Người đi săn bắn được con khỉ đực và đuổi theo con khỉ con đưa đến hậu quả “*Nó lăn xuống miệng vực*”. Ở đó, ông Diều được ngắm nhìn cảnh tượng ở Hầm Chết: “*Từ dưới miệng*

vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí”, “Hay là ma?”- Ông Diêu nghĩ “Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng”. Ông Diêu có cảm giác “Tất cả như trong mộng寐”. “Núi lở... đoạn đường mà ông leo lên lúc này loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng, phẳng lì”. Chỗ ông Diêu để quần áo “Đùn lên một đống mồi to gần bằng cây rạ”. Thiên nhiên hiện lên sinh động, bí ẩn có phẩm tính và nhân tính đủ để ông Diêu “Kinh hoàng”, “Không ngờ”, “Kinh hãi”, “Thót mình”. “Sự lạ”- những phản ứng của thiên nhiên trên hành trình đi săn - phải chăng đây là sự phản nộ, sự trừng phạt, cảnh báo đối với những hành động hủy hoại thiên nhiên của con người. Sự cảnh báo có ý nghĩa thức tỉnh nhận thức dẫn đến hành động phục thiện của ông Diêu: phóng sinh khỉ đực và trở về. Trên đường trở về nhân vật gặp hoa tử huyền. Tình huống gặp hoa bất ngờ, ngoài dự kiến khiến ông Diêu “dừng lại sững sờ”. Loài hoa cứ ba chục năm mới nở một lần. Tác giả gợi dẫn: “Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là “Muối của rừng”. “Khi rừng kết muối, đây là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc”. Hoa tử huyền đặc biệt tạo ấn tượng kì ảo, hoa xuất hiện phải chăng như là sự ghi nhận, ban thưởng cho ông Diêu, cho những người biết trân trọng thiên nhiên, biết hướng thiện để sống hòa hợp với thiên nhiên. Những chi tiết kì lạ, hiếm gặp trong truyện ngắn được sử dụng không chỉ tạo nên sức hấp dẫn, ấn tượng mà còn hướng tới việc bộc lộ cảm xúc, thức tỉnh nhận thức làm cơ sở cho hành động và cách ứng xử nhân văn của con người. Đúng là: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn” (M. Gorki).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn.
- HS tái hiện một đoạn trong truyện ngắn “Muối của rừng” bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp với năng lực (Hội họa, thơ ca, phê bình nghệ thuật, kịch,...)

b. Nội dung:

Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm:

Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Lựa chọn một trích đoạn trích ấn tượng với nhóm/ tổ .
- Tái hiện lại đoạn trích đó bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với cuộc sống, tìm hiểu những thông tin về tác phẩm và sáng tạo sản phẩm của nhóm/ tổ.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS chụp sản phẩm hoặc quay clip giới thiệu sản phẩm rồi nộp vào nhóm zalo của lớp.

B4: Đánh giá, kết quả thực hiện.

GV giới thiệu sản phẩm của HS, nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá tác phẩm nghệ thuật của HS

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo đúng hình thức nghệ thuật đã chọn.	3.0
Nội dung	Chọn một hình thức nghệ thuật (Hội họa, thơ ca, phê bình nghệ thuật, kịch,...) gắn với một trích đoạn trong truyện ngắn “Muối của rừng”.	
	- Thể hiện đúng chủ đề đoạn trích.	2.0
	- Đảm bảo được các tình tiết hoặc hình ảnh chủ đạo có giá trị trong đoạn trích.	2.0
	- Có những sáng tạo độc đáo nhưng không đi quá xa chủ đề.	1.0
Giới thiệu	Tự tin, hấp dẫn, lời cuốn, tương tác tốt.	1.0

Tính chất tập thể	Tinh thần làm việc nhóm: Hợp tác, phát huy năng lực, sự sáng tạo.	1.0
--------------------------	---	------------

4. Củng cố: Cách đọc một văn bản thuộc thể loại truyện hiện đại có yếu tố kì ảo.

- Đọc và xác định đề tài.
- Tóm tắt mạch truyện/ Sự kiện, sự việc tiêu biểu gắn với các nhân vật.
- Rà soát những yếu tố kì ảo hấp dẫn.
- Đặt chi tiết, yếu tố nghệ thuật trong ngữ cảnh để thấy được hiệu quả của chúng trong việc thể hiện ý tưởng nghệ thuật.

5. HDVN

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng bằng việc ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- Chuẩn bị bài: *Thực hành tiếng Việt - Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.*

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Tiết 39. NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG ĐIỂN CỔ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC
Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết, phân tích, đánh giá được nghệ thuật sử dụng điển cổ trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại).
- HS nhận thức và lý giải được vấn đề: sử dụng điển cổ cũng là một phương thức thể hiện rõ sự vay mượn, cải biến, sáng tạo trong tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cổ trong tác phẩm văn học.
- Biết cách sử dụng điển cổ vào viết văn, cũng như giao tiếp.

3. Về phẩm chất: Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu

2. Học liệu: SGK Ngữ văn 12, tập 1, phiếu học tập, thiết kế bài dạy...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

12. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong phần Khởi động.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- củng cố kiến thức về điển cổ: khái niệm, tác dụng.
- Nhận diện điển cổ trong tác phẩm văn học.

b. Nội dung:

- Xem lại 1 điển cổ được sử dụng trong văn bản 1 “Hải khẩu linh từ” (Đoàn Thị Điểm) để hiểu sự khác biệt của điển cổ với từ ngữ thông thường.
- Trò chơi: nói cột.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs		Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Tìm đọc lại cước chú số 2 và 3 trang 95, sgk Ngữ văn tập 1, cho biết sự khác biệt của việc sử dụng điển cổ với từ ngữ thông thường. - Tham gia trò chơi: nói cột để ôn tập lại kiến thức về điển cổ.		1. Cước chú số 2 và 3 trang 95, sgk Ngữ văn 12, tập 1 - “Dời củi khỏi bếp tranh”, “dùng dâu ràng cửa tổ” -> dẫn điển cổ trong Hán thư (Trung Quốc) ý nói: phòng ngừa từ trước để tránh hậu họa. - Từ ngữ thông thường: phòng cháy trước khi chưa cháy, ngừa mưa trước lúc chưa mưa. - Dù giống nhau về nghĩa, nhưng có một
1. Điển cổ là....	a. một thủ pháp nghệ thuật trong sáng tạo văn học, thể hiện qua việc người sáng tác sử dụng tư liệu lịch sử, văn hoá, thơ văn,... khi sáng tác tác phẩm. Việc sử dụng điển cổ đặc biệt phổ biến trong văn học trung đại.	
2. Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu (trích “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” – Nguyễn	b. ông Đào: Tức Đào Tiềm đời Tấn (Trung Quốc), tự Uyên Minh, đỗ tiến sĩ, làm huyện lệnh Bành Trạch, khi treo án từ quan có làm bài Quy khứ lai từ.	

Đình Chiều) có điển cố là ...		số sự khác biệt: + điển cố có tính hình tượng và biểu cảm cao. + điển cố hàm súc và cô đọng. 2. Trò chơi Nói cột: 1-e, 2-c, 3-d, 4-a, 5-b
3. Tác dụng của điển cố là...	c. <i>xa thư</i> : Cỗ xe và chữ viết, do chữ “xa đồng quỹ, thư đồng văn”, nghĩa là xe cộ cùng một đường (quỹ: dấu xe đi), sách viết cùng một thứ chữ, ý nói sự thống nhất hoàn toàn. - <i>chém rắn đuổi hươu</i> : Đến chiếm cướp, lấy tích Lưu Bang cướp ngôi nhà Tần. Cả vế “một mối... đuổi hươu” có nghĩa: đất nước ta là một khối thống nhất vĩ đại, không thể nào để kẻ nào đến chiếm cướp.	
4. Nghệ thuật sử dụng điển cố là....	d. làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, hàm súc, uyên bác, trang nhã. Làm giàu đẹp khả năng diễn đạt của ngôn ngữ dân tộc.	
5. <i>Nhân hừng cũng vờ toan cất bút, Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.</i> (trích “Thu vịnh” – Nguyễn Khuyến) có điển cố là.....	e. câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách đời trước được dẫn vào tác phẩm văn học dưới hình thức ngắn gọn, để biểu đạt một nội dung thông tin (hoặc một thông điệp) nhất định.	

- Hoạt động theo nhóm nhỏ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh thảo luận (theo bàn) về nội dung câu hỏi và trò chơi.

B3. Báo cáo thảo luận:

- GV gọi 3 -> 5 học sinh trả lời các câu hỏi, cho bổ sung.

- HS xung phong trả lời, bổ sung – nếu có.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét các câu trả lời, đánh giá hoạt động của học sinh và củng cố kiến thức về điển cố.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận diện, lí giải các điển cố trong tác phẩm văn học (trong sgk).

b. Nội dung: Làm các bài tập 1 trong sgk- tr.114.

c. Sản phẩm: Bảng phụ trình bày kết quả thảo luận nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS trao đổi theo nhóm nhỏ (2 bàn= 1 nhóm) Bài tập 1- tr.114 + Dựa vào việc tìm hiểu các cước chú trong văn bản <i>Đền thiêng cửa bể</i> , hãy xác định các điển cố trong đoạn trích. + Không yêu cầu HS xác định/ nhận diện hết tất cả các điển cố xuất hiện trong đoạn trích. Chỉ cần nhận	Bài tập 1. Các điển cố được dùng trong đoạn trích: - “Dời củi khỏi bếp tranh – Dừng dàu ràu cửa tổ”: Dẫn điển trong <i>Hán thư</i> (Trung Quốc), ý nói phòng ngừa từ trước để tránh những hậu họa. - “Bồng môn”: Cửa liếp lều tranh, chỉ sự nghèo hèn; đối với “tiêu thất” ở

diện được ít nhất 3 điển cố là đạt yêu cầu. + Gợi ý: Tìm đoạn trích ở tr. 95; theo dõi những cước chú có liên quan để nhận diện được các điển cố. (Điển cố có thể được tác giả sử dụng dưới hình thức nhân danh, địa danh- nhân danh, địa danh đó gọi nội dung một câu chuyện, sự kiện,... mà nếu không tìm hiểu kĩ, chúng ta sẽ không hoặc khó có thể hiểu hết điều tác giả muốn thể hiện). B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS nhận nhiệm vụ, thảo luận - HS quan sát, điều hành. B3. Báo cáo thảo luận - GV gọi HS trình bày, bổ sung - HS trình bày, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét: phần trình bày, kết luận, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở.	sau: buông lụa, phòng son, chỉ sự quyền quý, cao sang. - “Mười điều”: Là mười điều tấu sớ của Trình Diên trong <i>Hán thư</i>, Bích Châu muốn bày tỏ mười điều quan tâm, lo lắng của mình về việc cai trị đất nước. - Một số điển cố khác như: “Nén kẻ quyền thần”, “Phạt Trụ diệt Khương” trong <i>Sử kí</i>, “Thải bớt kẻ những lạm”, “Trừ gian diệt bạo” trong <i>Sử kí</i>, “Cổ động Nho phong”, “Nhân nghĩa lễ trí tín” trong <i>Tứ thư</i>,...
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS từng bước nâng cao năng lực nhận diện, lí giải, đánh giá tác dụng các điển cố trong tác phẩm văn học (trong sgk).

b. Nội dung: Làm các bài tập 2,3 trong sgk- tr.114, 115.

c. Sản phẩm: Bảng phụ trình bày kết quả thảo luận nhóm; phần thuyết trình và bổ sung của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
LUYỆN TẬP	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhóm 1 + 2: Bài tập 2- tr.114,115 + Nhận xét về tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn sau. + Gợi ý: Trong đoạn văn, tác giả sử dụng hàng loạt điển cố (phần lớn là qua hình thức tên người, tên đất, tên sự kiện, tên tác phẩm: Đỗ Phủ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, <i>Ly tao</i>,...). Hầu hết các điển cố trên đều gọi liên tưởng đến thân phận bi kịch, oan trái mà người phụ nữ có tài năng, đức hạnh phải chịu đựng. + Tương tự như bài tập 1, trước hết, cần nhận diện được các điển cố xuất hiện trong đoạn văn. Thử diễn đạt lại nội dung đoạn văn theo cách không dùng các điển cố. Cần so sánh đoạn văn vừa viết với đoạn văn “gốc” để rút ra những nhận xét cần thiết theo yêu cầu của bài tập. Nhóm 3 + 4: Bài tập 3- tr.115 + “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm Động” trong những câu sau có phải là điển cố	Bài tập 2. Nhận xét về tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn: - Các điển cố được sử dụng: Đỗ Phủ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, <i>Li tao</i>,... - Hình thức: Tên người, tên đất, tên sự kiện, tên tác phẩm,... - Nội dung: Các điển cố trên đều gọi liên tưởng đến thân phận bi kịch, oan trái mà người phụ nữ có tài năng, đức hạnh phải chịu đựng. - Tác dụng: Tăng tính biểu cảm (thể hiện tâm trạng bi thương, sầu uất của nhân vật); tăng sức thuyết phục (hiểu biết lịch sử và văn hoá, khiến lời nói của nàng thêm xác tín); tăng tính nghệ thuật (lời văn trau chuốt, mượt mà và giàu sức gợi); thể hiện ý đồ của tác giả (kiến thức uyên bác, hiểu biết sâu rộng về văn hoá và lịch sử của tác giả);... Bài tập 3 - “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm

không? Nêu tác dụng của việc sử dụng hai “địa danh” đó. + Gợi ý: “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm Động” là những địa danh xuất hiện trong tác phẩm <i>Tây du kí</i> (Trung Quốc); kết nối với nội dung của <i>Tây du kí</i> để hình dung về khung cảnh của Hoa Quả Sơn và Thủy Liêm Động. Diễn đạt lại ý của câu thứ ba mà không dùng các địa danh này. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS nhận nhiệm vụ, thảo luận, ghi bảng phụ hoặc giấy. HS quan sát, điều hành. B3. Báo cáo thảo luận - Mỗi bài tập, GV chọn 1 nhóm trình bày, yêu cầu các nhóm cùng nội dung nhận xét, bổ sung. - HS trình bày, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét: phần trình bày, hoạt động thảo luận; kết luận, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở.	Động” là hai điển cố - dưới hình thức địa danh. + Hoa Quả Sơn: Tên ngọn núi trong tác phẩm <i>Tây du kí</i> của Ngô Thừa Ân, là nơi sinh sống của Tôn Ngộ Không. Đây là một ngọn núi hoang vu, hiểm trở, nơi sinh sống của nhiều loài động vật hoang dã. + Thủy Liêm Động: Tên hang động trong tác phẩm <i>Tây du kí</i>, là nơi ở của Tôn Ngộ Không. Đây là một hang động bí ẩn, sâu thẳm. - Tác dụng: + Giúp người đọc hình dung ra khung cảnh hoang vu, hiểm trở, kì bí, có nhiều khí của rừng dâu da. + Thể hiện sự vay mượn, sáng tạo của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp khi sử dụng 2 điển cố rất quen thuộc của văn học Trung Quốc để miêu tả không gian huyền hoặc, hoang sơ của vườn dâu da. + Khẳng định, việc sử dụng điển cố - vốn được xem là tích xưa, chuyện cũ trong một tác phẩm của văn học hiện đại là vô cùng độc đáo, lôi cuốn.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hiểu được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học (cả trung đại và hiện đại) và vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong ngữ liệu văn học ngoài sgk (trung đại, hiện đại).

c. Sản phẩm: Bài làm – PHT đã hoàn thành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát PHT cho các nhóm

+ Nhóm 1 và 2: PHT số 1 (ngữ liệu là văn học trung đại)

+ Nhóm 3: PHT số 2 (ngữ liệu là văn học hiện đại)

+ Nhóm 4: nhắc lại khái niệm, tác dụng, cách thức sử dụng điển cố (cơ chế hình thành)

- GV yêu cầu:

+ Mỗi nhóm được sử dụng 1 điện thoại thông minh trong thời gian là 5 phút, để tra cứu điển cố.

+ Nhận diện, lí giải ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản.

+ Nêu tác dụng

+ Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh nhận PHT, tìm điển cố, sử dụng điện thoại để tra cứu.

- Hoàn thiện PHT và cử đại diện trình bày.

- GV quan sát, định hướng, điều hành.

B3. Báo cáo thảo luận

- GV chọn và gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày.

- HS trình bày, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét: phần trình bày trước lớp, hoạt động thảo luận, kết luận.

VẬN DỤNG

Bài tập 1. Xác định, lí giải điển cố trong văn bản sau:

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,

Nợ tang bồng vay giả, giả vay.

Chỉ làm trai nam bắc đông tây,

Cho phỉ sức vầy vùng trong bốn bể.

Nhân sinh tự cổ thủy vô tử,

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.

Đã hãn rằng ai nhục với ai vinh,

Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.

(trích “Chí làm trai” (Nguyễn Công Trứ)

Gợi ý:

- 2 điển cố được sử dụng:

+ *Tang bồng*: Do chữ “tang bồng hồ thi” 桑蓬弧矢, là cung làm bằng gỗ dâu và tên làm bằng cỏ bồng. Theo Kinh Lễ, xưa cha mẹ khi sinh con trai, lấy cung gỗ dâu, tên cỏ bồng treo ngoài cửa, ý mong con trai lấy cung tên làm sự nghiệp.

+ *Nhân sinh tự cổ thủy vô tử*,

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.

Chữ Hán: 人生自古誰無死, 留取丹心照汗青. Nghĩa: Người đời xưa nay ai không phải chết, lưu lại tấm lòng son soi vào sử xanh. Lấy từ bài *Quá Linh Đình dương* của Văn Thiên Tường. Điển cố ca ngợi lẽ sống cao đẹp của bậc nam nhi đại trượng phu: xem nhẹ cái chết, trọng khí tiết, trung nghĩa.

- Tác dụng của điển cố:

+ dẫn chuyện xưa để khẳng định khát vọng lập công danh, sự nghiệp, lí tưởng sống của nam nhi thời phong kiến.

+ tăng tính biểu cảm, thuyết phục cho đoạn thơ.

- **Nhận xét sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả:** từ việc mượn điển cố *tang bồng* từ văn học Trung Quốc, nhà thơ đã có sự cải biến và sáng tạo nhất định. Danh từ “tang bồng” vốn được hiểu là *mộng công danh* được đặt sau chữ “nợ”, đặt ở khổ thơ có nhiều từ chỉ không gian kì vĩ, khoáng đạt: *vòng trời đất, nam, bắc, đông, tây, bốn bể* -> tạo thành cụm từ có ý nghĩa khái quát, mở rộng: xem việc lập công lập danh là bốn phận, trách nhiệm, sứ mệnh của nam nhi với nước, với đời; thể hiện vẻ đẹp của con người: tầm vóc kì vĩ, lí tưởng sống cao đẹp.

Bài tập 2. Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong văn bản sau:

Tháng ba, rét nàng Bân

...Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo.

Bảo rằng tháng ấy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa.

Trời trong như ngọc, đất sạch như lau. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sáng thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngấn ngắt một màu. Ở đằng sau nhà, chim hót ríu rần, đánh thức những người còn đang thêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, long lánh như ở trong một phim ảnh màu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.

(...) Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.

Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhấm mặt cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực thì phải ăn trái lê chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó già le lưỡi” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quẩn. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.

(trích “Thương nhớ mười hai” – Vũ Bằng)

Gợi ý

- Có 3 điển cố được sử dụng trong văn bản:

+ *Rét nàng Bân*: Gắn với câu chuyện về nàng Bân, là con gái của [Ngọc Hoàng](#) nhưng chậm chạp và có phần vụng về. Mùa rét đã đến, nàng định tâm may cho chồng một cái áo chống rét. Nhưng nàng vụng về quá, nên may từ khi bắt đầu rét đến khi trời đã sắp sang xuân rồi mà chỉ mới may trọn được đôi [cổ tay](#). Nàng buồn lắm. Thấy con âu sầu, Ngọc Hoàng cảm động bèn làm cho trời rét lại mấy hôm để chồng nàng mặc thử áo. Từ đó thành lệ, hàng năm vào khoảng tháng Ba tuy mùa rét đã qua, mùa nóng đã tới nhưng có lúc tự nhiên rét lại mấy hôm, người ta gọi cái rét đó là rét nàng Bân. *Điển cố này nói đến đợt rét cuối cùng của mùa đông xảy ra vào tháng 3 âm lịch ở miền Bắc Việt Nam, hay nói chung là đợt rét muộn.*

+ *Dương Quý Phi*: Dương Quý Phi (chữ Hán:楊貴妃, 719 – 756) là một cung phi của Đường Minh Hoàng. Bà được xếp vào một trong Tứ đại mỹ nhân của lịch sử Trung Quốc.

+ *Nghiem nước nghiêng thành*: có nguồn gốc từ bài “Giai nhân ca” (佳人歌) của Lý Diên Niên (李延年). Chuyện rằng, vua Vũ Đế đời Hán (40-86 trước Công nguyên) có một người hầu tên là Lí Diên Niên. Nhà vua cho xây cung điện Minh Quang và tuyển chọn những người con gái đẹp tuổi từ 15 trở lên vào cung để hầu hạ vua. Trong cung có tới gần 10 ngàn mỹ nữ nhưng vua vẫn chưa thấy ai đẹp như ý và thường lắc đầu than thở: Đời nay thiên hạ không có giai nhân tuyệt sắc! Một hôm, Lí Diên Niên múa hát bài “Giai nhân ca” cho nhà vua xem. Chị của vua Vũ Đế là Bình Dương công chúa đứng hầu bên cạnh bèn tâu: “Lý Diên Niên có một người em gái giỏi múa hát và đẹp tuyệt trần như trong bài ca đó”. Nhà vua cho vời người đẹp vào cung, xem mặt. Quả nhiên nhà vua bỗng xao xuyến, rạo rực như có một luồng điện chạy khắp người khi nhìn thấy nàng mỹ nữ nhan sắc tuyệt trần, yêu kiều, diễm lệ. Vua liền phong nàng làm làm chánh cung hoàng hậu và ngày đêm si mê, đắm đuối bên nàng. *Nghiem nước nghiêng thành để chỉ người con gái có sắc đẹp tuyệt thế.*

- Tác dụng:

+ miêu tả sự thay đổi đặc biệt của thời tiết miền Bắc vào cuối tháng ba âm lịch; sự bất thường của thời tiết là để cho nàng Bân gửi tấm áo ấm áp đến người chồng; là sự nũng nịu đáng yêu của người con gái tuyệt sắc.

+ giúp văn bản giàu tính tạo hình, biểu cảm cao; thể hiện sự uyên bác của nhà văn.

- Nhận xét sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả:

+ mượn điển cố từ văn học Trung Quốc để khéo léo lí giải sự thay đổi bất thường của những cơn rét muộn vào cuối tháng ba âm lịch ở miền Bắc Việt Nam.

+ so sánh, ví von độc đáo và sáng tạo khi tiếp tục khiến người đọc liên tưởng tháng ba như một người con gái có nhan sắc tuyệt mỹ, nên dù tính khí có nũng nịu, có đồng đánh cũng đều đáng yêu, đáng mến.

Bài tập 3: Khái niệm, tác dụng, cách thức sử dụng điển cố

- Khái niệm: Điển cố (cũng gọi là điển tích) là câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách đời trước được dẫn vào tác phẩm văn học dưới hình thức ngắn gọn, để biểu đạt một nội dung thông tin (hoặc một thông điệp) nhất định.

- Tác dụng: Làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, hàm súc, uyên bác, trang nhã. Làm giàu đẹp khả năng diễn đạt của ngôn ngữ dân tộc.
- Cách thức sử dụng (cơ chế hình thành): qua các bài tập ở phần Luyện tập và Vận dụng, có các cơ chế hình thành điển cố như sau:
 - + điển cố là một từ, một ngữ, một câu, một cặp câu thơ.
 - + điển cố là một tên đất, tên người, sự vật, sự việc, hiện tượng....

Phụ lục

THANG ĐO ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH TRANH BIỆN CỦA CÁC NHÓM

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục				
Lập trường vững vàng				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Tương tác tốt với người nghe				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				
Điều bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp...				

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ Tiêu chí	Tốt	Khá	Trung bình	Cần điều chỉnh
	4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp.	Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu hết thời gian.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng hiện những cô không liên qua
2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không được ý kiến riêng.

3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những viên khác và hợp tác đưa ra chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian. thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm đình trệ công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bài tập 1. Xác định, lí giải điển cố trong văn bản sau:

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,

Nợ tang bồng vay giả, giả vay.

Chỉ làm trai nam bắc đông tây,

Cho phỉ sức vầy vùng trong bốn bể.

Nhân sinh tự cổ thuyền vô tử,

Lưu thủ đàn tâm chiếu hãn thanh.

Đã hãn rằng ai nhục với ai vinh,

Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.

(trích “Chỉ làm trai” (Nguyễn Công Trứ))

Nhận diện ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản	
Nêu tác dụng của điển cố	
Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Bài tập 2. Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong văn bản sau:

Tháng ba, rét nằng Bân

...Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo.

Bảo rằng tháng ấy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa.

Trời trong như ngọc, đất sạch như lau. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sáng thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ

phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngấn ngát một màu. Ở đằng sau nhà, chim hót riu ràn, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, long lánh như ở trong một phim ảnh màu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.

(...) Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.

Đẹp đến nghiêng thành nghiêng nước thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhấm nháp cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực thì phải ăn trái lê chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó già le lưỡi” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quẩn. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.

(Trích “Thương nhớ mười hai” – Vũ Bằng)

Nhận diện ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản	
Nêu tác dụng của điển cố	
Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả	

4. Củng cố: Nắm kiến thức cơ bản về điển cố: khái niệm, cách thức sử dụng, tác dụng.

5. HDVN:

- Tìm luyện thêm các đề đọc hiểu về điển cố.
- Chuẩn bị phần Viết: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VIỆC VAY MƯỢN – CẢI BIẾN – SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 40-41: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VIỆC VAY MƯỢN, CẢI BIẾN – SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được những yêu cầu của kiểu bài, bao gồm việc xác định người sáng tác đã tiếp nhận/ vay mượn những yếu tố nào từ tác phẩm có trước, có những cải biến (về nội dung, về hình thức) và sáng tạo riêng như thế nào, phân tích được tác động của những điều đó đến việc thể hiện thông điệp, cảm xúc... của tác giả.
- Biết thực hành viết bài văn nghị luận (về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học) theo các bước được hướng dẫn.

2. Về năng lực:

- Rèn luyện những thao tác, kỹ năng so sánh hai tác phẩm.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.
- Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý lịch sử, văn hóa, văn học của dân tộc.
- Tích cực, cẩn trọng tìm kiếm tư liệu có yếu tố vay mượn – cải biến – sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp**

2. **Kiểm tra bài cũ:**

3. **Bài mới:**

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS quan sát video và trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: 1. Quan sát video: https://www.youtube.com/watch?v=8q0RRc96tK8 2. Trả lời câu hỏi: - Tác phẩm văn học nào xuất hiện trong Clip trên? - Hãy chỉ ra một số khác biệt giữa văn bản gốc và sản phẩm nghệ thuật cải biên? - Theo anh/chị mục đích của sự cải biến tác phẩm văn học qua Clip trên là gì? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo HS xem Clip, trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, biểu dương câu trả lời nhanh, đúng của HS. - GV dẫn vào bài: Vay mượn, cải biến, sáng tạo là một hiện tượng khá thú vị, đặc biệt trong đời sống văn học. Khám phá bài học hôm nay chúng ta sẽ hiểu rõ hơn điều đó.	- Tác phẩm văn học xuất hiện trong Clip: <i>Truyện Kiều</i> . - Trong sản phẩm cải biên, nhân vật Thúy Kiều mang những đặc điểm của thế hệ gen Z ngày nay: quyết đoán, thông minh, linh lợi, hiện đại, thức thời nhưng lại không theo quan niệm của Nho giáo như trong văn bản gốc,... - Mục đích của sự cải biến: Sự cải biến để gây tiếng cười, để khắc họa rõ nét sự đổi thay của giới nữ trong thời đại mới,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:**

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến
- sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

- HS hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

b. **Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập.

c. **Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Phiếu học tập số 1

STT	Nội dung tìm hiểu	Trả lời
-----	-------------------	---------

1	Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn <i>Sự tích những ngày đẹp trời</i> , Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản nào của “mẫu gốc”?	
2	Khi bàn về sự “biến đổi” của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở “mẫu gốc”, theo bạn, tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ nào?	
3	Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo.	
4	Qua việc tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy chia sẻ thu hoạch của bạn trong việc rèn kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.	

Phiếu học tập số 2

Yêu cầu	Bài văn nghị luận về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học
Nêu vấn đề	
Triển khai vấn đề	
Kết thúc vấn đề	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 4 HS đọc bài viết tham khảo (Mở bài, Luận điểm 1, Luận điểm 2, Kết bài). - HS thảo luận cặp đôi hoàn thành Phiếu học tập số 1 . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - 4 HS nối tiếp nhau đọc văn bản.	I. Tìm hiểu chung dạng bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo		
	STT	Nội dung tìm hiểu	Trả lời
	1	Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn <i>Sự tích những ngày đẹp trời</i> , Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi	- Kế thừa: + Cốt truyện: Giữ nguyên cốt truyện chính của truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> . + Nhân vật: Giữ nguyên các nhân vật chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương, vua Hùng. + Mô típ: Sử dụng các mô típ quen

- Thảo luận cặp đôi 4 câu hỏi SGK (theo phiếu) khoảng 5-7 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt vấn đề. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Thảo luận nhóm hai bàn hoàn thiện Phiếu học tập số 2. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm, hoàn thiện phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2-3 nhóm trình bày kết quả. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt vấn đề.	những phương diện cơ bản nào của “mẫu gốc”?	thuộc trong truyền thuyết. - Biến đổi: + Biến đổi về chủ đề và cốt truyện: ++ Chủ đề: Bên cạnh chủ đề ca ngợi sức mạnh và trí tuệ của con người, tác phẩm còn đề cao tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hoà hợp. ++ Cốt truyện: Bổ sung các chi tiết mới như lí do Mị Nương chọn Sơn Tinh vì yêu mến phẩm chất của chàng; nỗi đau khổ của Thuỷ Tinh sau khi thua cuộc; hành động của Mị Nương để hàn gắn mối quan hệ giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh; thay đổi kết thúc (không còn là cuộc chiến triền miên giữa hai vị thần mà hướng đến sự hoà giải, dung hoà). + Biến đổi về nhân vật: Sơn Tinh được miêu tả chi tiết, sinh động hơn, thể hiện rõ phẩm chất anh hùng, mạnh mẽ, quyết đoán, tài năng; Thuỷ Tinh không còn là vị thần hung bạo, chỉ biết dùng vũ lực mà trở thành một người si tình, yêu say đắm Mị Nương; Mị Nương được khắc hoạ nội tâm phức tạp, thể hiện sự thương cảm với Thuỷ Tinh. + Các biến đổi khác: ngôn ngữ, giọng điệu trữ tình, lãng mạn, mô tả thiên nhiên sinh động, giàu sức gợi tả, lồng ghép các chi tiết hiện thực vào tác phẩm.
	2 Khi bàn về sự “biến đổi” của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở “mẫu gốc”, theo bạn, tác giả	Khi bàn về sự “biến đổi” của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở “mẫu gốc”, tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ: Sơn Tinh được miêu tả chi tiết, sinh động hơn với vai là người anh hùng và người chồng; Thuỷ Tinh từ vị thần hung bạo, độc ác trở thành một người si

		bài viết đã có những phát hiện mới mẻ nào?	tình với nhiều cung bậc cảm xúc, tình cảm; Mị Nương từ một công chúa chỉ biết tuân theo mệnh lệnh vua cha trở thành một người phụ nữ có nội tâm phức tạp.
	3	Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo.	Cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo: khách quan, thuyết phục và có sức gợi mở, liên tưởng cho người đọc.
	4	Qua việc tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy chia sẻ thu hoạch của bạn trong việc rèn kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.	Kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học: - Xác định rõ luận đề. - Triển khai hệ thống luận điểm: chỉ rõ phương diện tiếp thu, cải biến, sáng tạo của tác phẩm so với “mẫu gốc”. Nhận xét về mức độ thành công. - Lập dàn bài chi tiết, khoa học. - Sử dụng dẫn chứng cụ thể, sinh động. - Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, lưu ý thao tác so sánh.
2. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học			
	Yêu cầu	Bài văn nghị luận về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học	
	Nêu vấn đề	Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.	

	Triển khai vấn đề	Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm.
		Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.
		Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.
	Kết thúc vấn đề	Khẳng định vấn đề.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.
- HS thực hành các bước để viết bài văn nghị luận về việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Biểu khảo sát một số tác phẩm văn học có yếu tố cách tân

(GV có thể thiết kế trên trang tính để HS điền trước ở nhà)

Tác phẩm được chọn	Yếu tố vay mượn, cải biến, sáng tạo	Trọng tâm nghị luận
Truyện Kiều		
Thơ Xuân Diệu		
Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm		
...		

Bảng tìm ý

Ý cần tìm	Kết quả
Có những thông tin nổi bật gì cần giới thiệu liên quan đến nhan đề, thể loại, tác giả, ý nghĩa của tác phẩm “nguồn” và tác phẩm chịu ảnh hưởng?	
Sự tiếp nhận có ý thức được thể hiện rõ trên những phương diện nào (thể loại, cốt truyện, điển cố,... hay cảm hứng, quan điểm, phong cách,...)? Trong đó, phương diện nào cần được đặc biệt nhấn mạnh?	
Bạn nhận diện sự tiếp nhận (chịu ảnh hưởng, vay mượn) dựa trên những yếu tố hoặc cơ sở nào?	
Tác dụng, ý nghĩa của sự cải biến, cách tân là gì?	
Nên đánh giá về mức độ, phạm vi, tính chất,... của sự vay mượn và	

biến đổi như thế nào cho thỏa đáng?	
-------------------------------------	--

Bảng lập dàn ý

Mở bài	
Thân bài	
Kết bài	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																							
II. Thực hành viết 1. Trước khi viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Thảo luận theo bàn: đọc SGK, thực hiện: + Biểu khảo sát một số tác phẩm văn học có yếu tố cách tân + Hoàn thành Bảng tìm ý và Bảng dàn ý Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. 2. Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Cá nhân dựa vào gợi ý biểu khảo sát, tìm ý và dàn ý, lựa chọn một tác phẩm có biểu hiện tương đối rõ sự vay mượn – cải biến – sáng tạo để viết bài văn hoàn chỉnh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân viết bài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp. - HS khác bổ sung.	II. Thực hành viết 1. Trước khi viết * Chuẩn bị viết <table><tr><th>Tác phẩm được chọn</th><th>Yếu tố vay mượn, cải biến, sáng tạo</th><th>Trọng tâm nghị luận</th></tr><tr><td>Truyện Kiều</td><td>Cốt truyện Nhân vật Mô típ Ngôn ngữ,...</td><td></td></tr><tr><td>Thơ Xuân Diệu</td><td>Thể thơ Ngôn ngữ Hình ảnh,...</td><td></td></tr><tr><td>Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm</td><td>Chất liệu văn hóa dân gian,...</td><td></td></tr><tr><td>...</td><td>...</td><td></td></tr></table> * Tìm ý <table><tr><th>Ý cần tìm</th><th>Kết quả</th></tr><tr><td>Có những thông tin nổi bật gì cần giới thiệu liên quan đến nhan đề, thể loại, tác giả, ý nghĩa của tác phẩm “nguồn” và tác phẩm chịu ảnh hưởng?</td><td></td></tr><tr><td>Sự tiếp nhận có ý thức được thể hiện rõ trên những phương diện nào (thể loại, cốt truyện, điển cố,... hay cảm hứng, quan điểm, phong cách,...)? Trong đó, phương diện nào cần được đặc biệt nhấn mạnh?</td><td></td></tr><tr><td>Bạn nhận diện sự tiếp nhận (chịu ảnh hưởng, vay mượn) dựa trên những yếu tố hoặc cơ sở nào?</td><td></td></tr></table>	Tác phẩm được chọn	Yếu tố vay mượn, cải biến, sáng tạo	Trọng tâm nghị luận	Truyện Kiều	Cốt truyện Nhân vật Mô típ Ngôn ngữ,...		Thơ Xuân Diệu	Thể thơ Ngôn ngữ Hình ảnh,...		Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm	Chất liệu văn hóa dân gian,...		...	...		Ý cần tìm	Kết quả	Có những thông tin nổi bật gì cần giới thiệu liên quan đến nhan đề, thể loại, tác giả, ý nghĩa của tác phẩm “nguồn” và tác phẩm chịu ảnh hưởng?		Sự tiếp nhận có ý thức được thể hiện rõ trên những phương diện nào (thể loại, cốt truyện, điển cố,... hay cảm hứng, quan điểm, phong cách,...)? Trong đó, phương diện nào cần được đặc biệt nhấn mạnh?		Bạn nhận diện sự tiếp nhận (chịu ảnh hưởng, vay mượn) dựa trên những yếu tố hoặc cơ sở nào?	
Tác phẩm được chọn	Yếu tố vay mượn, cải biến, sáng tạo	Trọng tâm nghị luận																						
Truyện Kiều	Cốt truyện Nhân vật Mô típ Ngôn ngữ,...																							
Thơ Xuân Diệu	Thể thơ Ngôn ngữ Hình ảnh,...																							
Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm	Chất liệu văn hóa dân gian,...																							
...	...																							
Ý cần tìm	Kết quả																							
Có những thông tin nổi bật gì cần giới thiệu liên quan đến nhan đề, thể loại, tác giả, ý nghĩa của tác phẩm “nguồn” và tác phẩm chịu ảnh hưởng?																								
Sự tiếp nhận có ý thức được thể hiện rõ trên những phương diện nào (thể loại, cốt truyện, điển cố,... hay cảm hứng, quan điểm, phong cách,...)? Trong đó, phương diện nào cần được đặc biệt nhấn mạnh?																								
Bạn nhận diện sự tiếp nhận (chịu ảnh hưởng, vay mượn) dựa trên những yếu tố hoặc cơ sở nào?																								

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo. 3. Chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa bài văn đã viết theo Bảng kiểm đánh giá bài viết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc lại bài viết và chỉnh sửa, hoàn thiện. - HS chuyển bài cho nhau đọc và giúp bạn phát hiện lỗi để tiếp tục chỉnh sửa. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá ý thức chuẩn bị và làm bài của HS theo yêu cầu.	Tác dụng, ý nghĩa của sự cải biến, cách tân là gì?	
	Nên đánh giá về mức độ, phạm vi, tính chất,... của sự vay mượn và biến đổi như thế nào cho thỏa đáng?	
	* Lập dàn ý	
	Mở bài	Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm, trọng tâm vấn đề (khía cạnh nào của sự vay mượn – cải biến) mà bài viết bàn luận.
Thân bài		Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng.
		Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể.
		Phân tích, đánh giá những điểm cải biến, sáng tạo của tác giả trong quá trình vay mượn.
Kết bài		Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và cải biến trong tác phẩm. Nên đánh giá chung và hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo.

2. Thực hành viết

Sản phẩm: Bài viết của HS

3. Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở các bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa bài văn đã viết theo: Bảng kiểm đánh giá bài viết (bên dưới)

Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CÀN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.

Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

Phụ lục 2: DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian trong đoạn trích *Đất Nước* - Nguyễn Khoa Điềm

Mở bài (Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm, trọng tâm vấn đề)	- Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm: + Nguyễn Khoa Điềm là một trong những cây bút tiêu biểu trong nền thơ ca kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam. + Trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị - Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. + Đoạn trích <i>Đất Nước</i> thuộc chương V của bản trường ca; thể hiện những nhận thức sâu sắc về đất nước, trong đó nổi bật là hình ảnh đất nước hiện lên trong quan hệ gắn bó với mỗi con người.	
	- Giới thiệu ngắn gọn trọng tâm vấn đề: Chất liệu văn hóa dân gian trong đoạn thơ <i>Đất Nước</i> được sử dụng vừa quen thuộc vừa mới lạ.	
Thân bài	Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng.	- Phạm vi: Đoạn trích <i>Đất Nước</i> - Nguyễn Khoa Điềm - Tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng: Nhà thơ đã vận dụng thành công chất liệu văn hóa dân gian. Những chất liệu ấy vừa quen thuộc (gần gũi với cuộc sống của mỗi con người Việt Nam) vừa mới lạ (với những sáng tạo mới mẻ, hấp dẫn).
	Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể.	- Chất liệu dân gian được sử dụng rất đa dạng, phong phú, tất cả đều gần gũi, quen thuộc với mỗi con người Việt Nam: + Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vật dụng quen thuộc (miếng trầu, tóc bới sau đầu, cái kèo, cái cột, hạt gạo xay, giã, giần, sàng, hòn than, con cúi,...). + Có ca dao, dân ca, tục ngữ, truyền thuyết, cổ tích.
	Phân tích, đánh giá những điểm cải biến, sáng tạo của tác giả trong quá trình vay mượn.	- Vận dụng ca dao, tục ngữ nhưng dẫn dắt khéo léo, khi lấy nguyên vẹn toàn bài khi chỉ mượn ý mượn tứ để khẳng định, tôn vinh những nét đẹp trong sinh hoạt và tâm hồn con người Việt Nam. Đó là sự chăm chỉ chịu thương, chịu khó; là tấm lòng thủy chung son sắt trong tình yêu; là sự duyên dáng, ý nhị trong từng lời ăn tiếng nói... - Liệt kê hàng loạt những câu chuyện từ xa xưa trong truyền thuyết, cổ tích dân tộc để làm nổi bật vẻ đẹp trù phú của đất nước, những truyền thống quý báu của nhân dân ta đồng thời khẳng định vai trò to lớn của nhân dân trong việc “làm ra Đất Nước”.

		+ Truyền thống đoàn kết, tinh thần cảnh giác cao độ trước kẻ thù “dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”. + Tinh thần uống nước nhớ nguồn “Hàng năm ăn đâu làm đâu/ Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ”. + Hoặc tô đậm sự trù phú tươi đẹp của quê hương,...
	Đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận và những điểm cải biến, sáng tạo của tác giả.	- Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng đậm đặc đã tạo nên một không gian nghệ thuật riêng của đoạn trích, vừa bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa giàu tưởng tượng, bay bổng, mơ mộng. Hơn nữa, có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả, tạo nên một đặc điểm trong tư duy nghệ thuật ở đoạn trích này. - Bằng việc sử dụng đậm đặc chất liệu văn hóa dân gian, bên cạnh việc lí giải, định nghĩa Đất Nước ở nhiều bình diện (không gian, thời gian lịch sử, truyền thống văn hóa), nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm còn làm nổi bật một tư tưởng mới mẻ: “Đất Nước của nhân dân/ Đất Nước của ca dao thần thoại” - Qua việc sử dụng đậm đặc chất liệu văn hóa dân gian, ta thấy được tư tưởng sâu sắc, mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm. Đoạn thơ kết tinh tư tưởng yêu nước, niềm tự hào dân tộc của nhà thơ, cũng là đóng góp lớn của ông đối với thơ ca dân tộc. Đoạn thơ khẳng định tài năng sáng tạo, sự am hiểu tường tận về văn hóa dân gian của tác giả. - Thành công đòi hỏi ở nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm một vốn sống, vốn văn hóa phong phú, một sự nhận thức sâu sắc, mới mẻ về Đất Nước, về Nhân Dân. Đồng thời đòi hỏi ở nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm có một tài năng, một bản lĩnh của người cầm bút. - Qua đoạn thơ, để lại bài học sâu sắc về cuộc sống: biết trân trọng những giá trị văn hóa dân gian; bài học về sáng tạo nghệ thuật: đem đến những sáng tạo, mới mẻ từ những giá trị gần gũi, quen thuộc.
Kết bài	Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và cải biến trong tác phẩm. Nêu đánh giá chung và hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo.	

Phụ lục 3: Bảng kiểm đánh giá bài viết

STT	Yêu cầu		Đạt	Chưa đạt
1	Triển khai các ý	Triển khai các ý thành một hoặc một vài đoạn văn.		
		Sự phù hợp về dung lượng (độ dài) của ý chính (vay mượn – biến đổi) và các ý phụ.		
		Mạch ý đã triển khai có tính logic cao.		
2	Hệ thống các	Hệ thống các dẫn chứng (trích dẫn, số liệu		

	dẫn chứng	thống kê,...) gắn với từng luận điểm rõ ràng, xác đáng.		
		Trích dẫn ý kiến từ các tài liệu tham khảo một cách hợp lí, trình bày theo đúng quy định.		
		Dẫn chứng hợp lí.		
3	Diễn đạt	Sự khách quan trong bàn luận, so sánh, đánh giá,... về mức độ vay mượn, tiếp thu, sáng tạo của tác giả.		
		Tổ chức liên kết hệ thống ý một chặt chẽ.		
		Sự liên kết giữa các câu trong đoạn và giữa các đoạn trong bài viết.		
4	Chính tả, ngữ pháp	Lựa chọn từ ngữ thích hợp, nhất là hệ thống các từ ngữ thể hiện sự so sánh, đánh giá.		
		Đúng chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt.		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Lập sổ sưu tầm những áng thơ, văn có sự cải biến và cách tân độc đáo.

c. Sản phẩm: Sổ sưu tầm của HS theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Lập sổ sưu tầm những áng thơ, văn có sự cải biến và cách tân độc đáo.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ tại CLB thơ văn hoặc gửi sản phẩm vào nhóm lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE
TIẾT 42 TRÌNH BÀY VỀ VIỆC VAY MƯỢN - CẢI BIẾN
SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình bày vấn đề tiếp nhận cách tân... trong một tác phẩm văn học cụ thể.
- HS biết lựa chọn đề tài, trình bày đánh giá được việc vay mượn - cải biến, sáng tạo trong một tác phẩm văn học
- HS chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe theo đề tài đã được xác định, lựa chọn.

2. Về năng lực: Phát huy khả năng tự học và hợp tác, giải quyết vấn đề đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất: Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại để tìm được tiếng nói chung trong cuộc thảo luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Giáo án, bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp, bảng giao nhiệm vụ cho học sinh học ở nhà

2. Học liệu: SGK, SGK, SBT, Ngữ văn 12, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới:

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài trình bày.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=nzFpgLPv3qU - GV nêu vấn đề: + Câu chuyện nào được kể trong Clip? + So với nguyên mẫu, em thích bản nào hơn? Vì sao? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem Clip và xung phong trả lời câu hỏi. - GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần.	- Câu chuyện: Thỏ và Rùa - HS thể hiện ý kiến cá nhân: + Truyện ngụ ngôn nguyên bản (bài học quý của cha ông truyền lại, ngôn ngữ giản dị dễ thuộc dễ nhớ, đặc biệt thích hợp với trẻ em).

Bước 4: Đánh giá, kết luận - Giáo viên đánh giá câu trả lời của HS, kết luận. - Giáo viên dẫn vào bài mới: Vay mượn, cải biến, sáng tạo là một hiện tượng khá thú vị, đặc biệt trong đời sống văn học. Vậy chúng ta sẽ đánh giá vấn đề này như thế nào?	+ Truyện cải biến của Chát GPT: ngôn ngữ bắt trend, vẫn giữ được bài học nhưng theo tinh thần của giới trẻ hôm nay.
--	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu và các bước để trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước để trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Để thuyết phục người nghe khi trình bày về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong tác phẩm văn học, cần lưu ý điều gì? Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo. HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu: - Lớp chia thành nhiều nhóm (căn cứ theo sự lựa chọn đề tài viết ở tiết học trước). - Các nhóm xây dựng quy trình trình bày về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong tác phẩm văn học, cụ thể: Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng:	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học - Giới thiệu ngắn gọn những thông tin chính về vấn đề được chọn: <i>tác phẩm, tác giả; nội dung đặt ra liên quan đến chủ đề bài nói.</i> - Lựa chọn được một hoặc một vài phương diện nổi bật của sự vay mượn trong tác phẩm (<i>như cốt truyện, nhân vật, tình tiết...</i>) để phân tích, qua đó, nêu những phát hiện về sự vay mượn – cải biến – sáng tạo của tác giả so với “nguyên mẫu”. - Đánh giá chung về ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong bài nói 2. Chuẩn bị các bước trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học a. Lựa chọn đề tài - Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần <i>Viết</i> - Lựa chọn đề tài mới b. Tìm ý và sắp xếp ý <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 70%;">Câu hỏi tìm ý</td><td style="width: 30%;">Trả lời</td></tr> <tr> <td>Nội dung chính của bài nói</td><td></td></tr> </table>	Câu hỏi tìm ý	Trả lời	Nội dung chính của bài nói	
Câu hỏi tìm ý	Trả lời				
Nội dung chính của bài nói					

Câu hỏi tìm ý	Trả lời		
Nội dung chính của bài nói là gì? Tác giả, tác phẩm nào sẽ được tập trung phân tích?			là gì? Tác giả, tác phẩm nào sẽ được tập trung phân tích?
Tác phẩm được chọn chịu ảnh hưởng từ tác phẩm nào có trước? Căn cứ xác định có quan hệ vay mượn - cải biến ở đây là gì?			Tác phẩm được chọn chịu ảnh hưởng từ tác phẩm nào có trước? Căn cứ xác định có quan hệ vay mượn - cải biến ở đây là gì?
Đâu là phương diện cho thấy rõ nhất sự tiếp nhận ảnh hưởng từ “nguyên mẫu”? Bài nói sẽ nhấn mạnh điểm gì khi đề cập vấn đề này?			Đâu là phương diện cho thấy rõ nhất sự tiếp nhận ảnh hưởng từ “nguyên mẫu”? Bài nói sẽ nhấn mạnh điểm gì khi đề cập vấn đề này?
Các biểu hiện chính của việc vay mượn là gì? Nên đánh giá thế nào về mức độ, tính chất của mối quan hệ vay mượn - cải biến ở trường hợp này?			Các biểu hiện chính của việc vay mượn là gì? Nên đánh giá thế nào về mức độ, tính chất của mối quan hệ vay mượn - cải biến ở trường hợp này?
Tác giả có những sáng tạo nổi bật gì khi tiếp nhận ảnh hưởng và vay mượn chất liệu cho sáng tác của mình?			Tác giả có những sáng tạo nổi bật gì khi tiếp nhận ảnh hưởng và vay mượn chất liệu cho sáng tác của mình?
Việc vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả nói lên được điều gì về bối cảnh văn học lúc tác phẩm ra đời?			Việc vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả nói lên được điều gì về bối cảnh văn học lúc tác phẩm ra đời?
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung. - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức.			

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết lựa chọn đề tài, trình bày, đánh giá được việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học cụ thể; biết lắng nghe và trao đổi.

b. Nội dung: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm																														
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài trình bày tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút. - HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:			II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ 1. Thực hành nói Tham khảo bài trình bày về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian trong đoạn trích <i>Đất Nước</i> - Nguyễn Khoa Điềm (xem bên dưới) 2. Trao đổi, đánh giá a. Trao đổi																														
<table><tr><th colspan="3">PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI</th></tr><tr><th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>1</td><td>Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?</td><td></td></tr></table>			PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI			STT	Tiêu chí	Nhận xét	1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?		2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?		3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?		4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?		5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?		<table><tr><th>Người nghe</th><th>Người nói</th></tr><tr><td>Đánh giá về tính hệ thống, hợp lí của vấn đề mà bài trình bày đề cập; sự hấp dẫn của vấn đề vay mượn – cải biến – sáng tạo được bài trình bày lựa chọn.</td><td>Trao đổi về các góp ý, đề nghị,... của người nghe theo đúng trọng tâm. Có thể xem đây là cơ hội để giải thích thêm các ý tưởng mà bài trình bày của mình chưa thể hiện hết.</td></tr><tr><td>Trao đổi về nội dung, mức độ thuyết phục của bài trình bày, những điểm cần làm rõ, những điểm cần rút kinh nghiệm,...</td><td>Có thể đặt ra các câu hỏi với người đối thoại, nhằm mục đích hướng tới nhận thức hợp lí nhất về những vấn đề, phương diện cùng quan tâm.</td></tr><tr><td>Nhận xét về sự chuẩn bị, cách trình bày của người nói.</td><td>Với những vấn đề, phương diện còn có cách hiểu, cách lí giải khác nhau, cần ghi nhớ để xin ý kiến gợi ý, giải đáp từ chuyên gia.</td></tr></table>		Người nghe	Người nói	Đánh giá về tính hệ thống, hợp lí của vấn đề mà bài trình bày đề cập; sự hấp dẫn của vấn đề vay mượn – cải biến – sáng tạo được bài trình bày lựa chọn.	Trao đổi về các góp ý, đề nghị,... của người nghe theo đúng trọng tâm. Có thể xem đây là cơ hội để giải thích thêm các ý tưởng mà bài trình bày của mình chưa thể hiện hết.	Trao đổi về nội dung, mức độ thuyết phục của bài trình bày, những điểm cần làm rõ, những điểm cần rút kinh nghiệm,...	Có thể đặt ra các câu hỏi với người đối thoại, nhằm mục đích hướng tới nhận thức hợp lí nhất về những vấn đề, phương diện cùng quan tâm.	Nhận xét về sự chuẩn bị, cách trình bày của người nói.	Với những vấn đề, phương diện còn có cách hiểu, cách lí giải khác nhau, cần ghi nhớ để xin ý kiến gợi ý, giải đáp từ chuyên gia.
PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI																																	
STT	Tiêu chí	Nhận xét																															
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?																																
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?																																
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?																																
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?																																
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?																																
Người nghe	Người nói																																
Đánh giá về tính hệ thống, hợp lí của vấn đề mà bài trình bày đề cập; sự hấp dẫn của vấn đề vay mượn – cải biến – sáng tạo được bài trình bày lựa chọn.	Trao đổi về các góp ý, đề nghị,... của người nghe theo đúng trọng tâm. Có thể xem đây là cơ hội để giải thích thêm các ý tưởng mà bài trình bày của mình chưa thể hiện hết.																																
Trao đổi về nội dung, mức độ thuyết phục của bài trình bày, những điểm cần làm rõ, những điểm cần rút kinh nghiệm,...	Có thể đặt ra các câu hỏi với người đối thoại, nhằm mục đích hướng tới nhận thức hợp lí nhất về những vấn đề, phương diện cùng quan tâm.																																
Nhận xét về sự chuẩn bị, cách trình bày của người nói.	Với những vấn đề, phương diện còn có cách hiểu, cách lí giải khác nhau, cần ghi nhớ để xin ý kiến gợi ý, giải đáp từ chuyên gia.																																
<table><tr><th colspan="3">PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI</th></tr><tr><th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>1</td><td>Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói</td><td></td></tr></table>			PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI			STT	Tiêu chí	Nhận xét	1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói		b. Đánh giá <table><tr><th colspan="3">PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI</th></tr><tr><th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>1</td><td>Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?</td><td></td></tr></table>		PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI			STT	Tiêu chí	Nhận xét	1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?		2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?									
PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI																																	
STT	Tiêu chí	Nhận xét																															
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói																																
PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI																																	
STT	Tiêu chí	Nhận xét																															
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?																																
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?																																

	chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS lên trình bày
- HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV tổng hợp nhận xét và đánh giá bài trình bày của HS theo bảng kiểm (bên dưới)

3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS lên trình bày
- HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV tổng hợp nhận xét và đánh giá bài trình bày của HS theo bảng kiểm (bên dưới)

Tham khảo bài trình bày về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian trong đoạn trích Đất Nước - Nguyễn Khoa Điềm

Xin chào các bạn!

Hôm nay tôi xin trình bày với cả lớp một số ý kiến đánh giá về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian trong đoạn trích Đất Nước - Nguyễn Khoa Điềm.

Để có thể nắm bắt vấn đề trọn vẹn và đầy đủ, đầu tiên tôi xin giới thiệu ngắn gọn các thông tin về tác giả, tác phẩm:

Trước hết, về tác giả, Nguyễn Khoa Điềm là một trong những cây bút tiêu biểu trong nền thơ ca kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam.

Trường ca *Mặt đường khát vọng* được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trại - Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Đoạn thơ trên thuộc chương V - chương Đất Nước của bản trường ca; thể hiện những nhận thức sâu sắc về đất nước, trong đó nổi bật là hình ảnh đất nước hiện lên trong quan hệ gắn bó với mỗi con người.

Đoạn thơ hấp dẫn nhiều thế hệ bạn đọc ngay từ khi nó vừa ra đời. Và một trong những yếu tố tạo nên thành công đó của đoạn trích, chính là chất liệu văn hóa dân gian được sử dụng vừa quen thuộc (gắn gũi với cuộc sống của mỗi con người Việt Nam) vừa mới lạ (với những sáng tạo mới mẻ, hấp dẫn).

Trong đoạn trích, chúng ta có thể thấy, chất liệu dân gian được sử dụng rất đa dạng, phong phú, tất cả đều gần gũi, quen thuộc với mỗi con người Việt Nam. Ở đó ta thấy những phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vật dụng quen thuộc (miếng trầu, tóc bới sau đầu, cái kèo, cái cột, hạt gạo xay, giã, giần, sàng, hòn than, con cúi,...). Bên cạnh đó, rất nhiều ca dao, dân ca, tục ngữ, truyền thuyết, cổ tích đã từng thấm mát tâm hồn thơ trẻ của ta, giờ đây xuất hiện rất dồi dào trong đoạn trích.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhấn mạnh rằng: Vận dụng ca dao, tục ngữ nhưng dẫn dắt khéo léo, khi lấy nguyên vẹn toàn bài khi chỉ mượn ý mượn tứ để khẳng định, tôn vinh những nét đẹp trong sinh hoạt và tâm hồn con người Việt Nam. Đó là sự chăm chỉ chịu thương, chịu khó; là tấm lòng thủy chung son sắt trong tình yêu; là sự duyên dáng, ý nhị trong từng lời ăn tiếng nói,...

Bên cạnh đó việc liệt kê hàng loạt những câu chuyện từ xa xưa trong truyền thuyết, cổ tích dân tộc cũng chỉ để làm nổi bật vẻ đẹp trù phú của đất nước, những truyền thống quý báu của nhân dân ta đồng thời khẳng định vai trò to lớn của nhân dân trong việc “làm ra Đất Nước”. Đó có thể là truyền thống đoàn kết, tinh thần cảnh giác cao độ trước kẻ thù “dân mình biết trồng tre mà đánh giặc”, là tinh thần uống nước nhớ nguồn “Hàng năm ăn đâu làm đâu/ Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ”. Hoặc tô đậm, là sự trù phú tươi đẹp của quê hương.

Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng đậm đặc đã tạo nên một không gian nghệ thuật riêng của đoạn trích, vừa bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa giàu tưởng tượng, bay bổng, mơ mộng. Hơn nữa, có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả, tạo nên một đặc điểm trong tư duy nghệ thuật ở đoạn trích này.

Bằng việc sử dụng đậm đặc chất liệu văn hóa dân gian, bên cạnh việc lí giải, định nghĩa Đất Nước ở nhiều bình diện (không gian, thời gian lịch sử, truyền thống văn hóa), nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm còn làm nổi bật một tư tưởng mới mẻ: “Đất Nước của nhân dân/ Đất Nước của ca dao thần thoại”.

Như vậy việc vận dụng, sáng tạo chất liệu dân gian của Nguyễn Khoa Điềm chính là để giúp người đọc thấy được tư tưởng sâu sắc, mới mẻ của ông về đất nước. Đoạn thơ kết tinh tư tưởng yêu nước, niềm tự hào dân tộc của nhà thơ, cũng là đóng góp lớn của ông đối với thơ ca dân tộc. Đoạn thơ khẳng định tài năng sáng tạo, sự am hiểu tường tận về văn hóa dân gian của tác giả.

Thành công đòi hỏi ở nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm một vốn sống, vốn văn hóa phong phú, một sự nhận thức sâu sắc, mới mẻ về Đất nước, về Nhân Dân. Đồng thời đòi hỏi ở nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm có một tài năng, một bản lĩnh của người cầm bút.

Qua đoạn thơ, để lại bài học sâu sắc về cuộc sống: biết trân trọng những giá trị văn hóa dân gian; bài học về sáng tạo nghệ thuật: đem đến những sáng tạo, mới mẻ từ những giá trị gần gũi, quen thuộc.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài trình bày! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

Bảng kiểm đánh giá bài trình bày của HS

STT	Tiêu chí	Mức độ		
		Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)

1	Nội dung bài nói về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian trong đoạn trích <i>Đất Nước</i> - Nguyễn Khoa Điềm.	Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Vấn đề hấp dẫn, tính giáo dục cao.
2	Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lắp.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng.	Nói to, truyền cảm, không lặp lại hay ngập ngừng.
3	Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp.	Điều bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
4	Mở đầu và kết thúc hợp lí.	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng chưa ấn tượng.	Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng.
ĐIỂM	Tổng điểm:/10			

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để trình bày về hiện tượng vay mượn – cải

biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi trình bày về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học và lưu lại thành video.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ về nhà: Hãy trình bày về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học (Lưu thành video clip).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tự chọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo hoặc trong hoạt động ngoại khóa và tổ chức cho HS lựa chọn những video clip xuất sắc để lấy điểm quá trình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá về buổi thi trình bày của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 4)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 2 nhóm thảo luận câu hỏi 1 và 2:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết gì về đặc điểm nổi bật của truyện truyền kì thời trung đại?

Câu 2. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì và yếu tố kì ảo trong một số thể loại văn học khác (truyện thuyết, truyện cổ tích, truyện ngắn hiện đại,...) có những điểm giống, khác nhau như thế nào?

Câu hỏi của cá nhân:

Câu 3. Tìm đọc một tác phẩm văn học hiện đại có yếu tố kì ảo, viết bài giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, trả lời câu hỏi 1,2.

- Cá nhân thực hiện câu số 3.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi 1,2.

- Cá nhân trình bày câu hỏi số 3.

- HS nhận xét, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Đặc điểm nổi bật của truyện truyền kì thời trung đại:

Đặc điểm nổi bật của truyện truyền kì thời trung đại		Bài học
Tính kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại	Truyện truyền kì vay mượn nhiều yếu tố từ văn học dân gian, Phật giáo, Nho giáo và văn học Trung Quốc.	- Hiểu được những đặc điểm nổi bật này giúp chúng ta đánh giá cao giá trị của truyện truyền kì thời trung đại, đồng thời học hỏi cách vay mượn, cải biến và sáng tạo trong các lĩnh vực khác nhau.
	Tuy nhiên, các tác giả không sao chép nguyên bản mà đã cải biến và sáng tạo để phù hợp với bối cảnh xã hội và quan niệm thẩm mỹ của thời đại.	
Tính hư cấu và hiện thực đan xen	Truyện truyền kì sử dụng nhiều yếu tố hoang đường, kì ảo để thể hiện hiện thực đời sống xã hội.	- Khả năng tiếp thu và sáng tạo của văn
	Các yếu tố hư cấu được sáng tạo dựa trên nền tảng hiện thực, góp phần thể hiện quan niệm về con người và cuộc sống của người xưa.	
Tính nhân đạo	Truyện truyền kì thể hiện sự quan tâm, đồng cảm	

sâu sắc	với những số phận bất hạnh, đề cao giá trị con người.	học Việt Nam trong quá trình phát triển. - Năng lực tư duy độc lập, sáng tạo của các tác giả thời trung đại. - Giá trị nhân văn sâu sắc và ý nghĩa hiện thực của truyện truyền kì.
	Các tác giả sáng tạo nên những hình tượng nhân vật mang tính biểu tượng cho những phẩm chất tốt đẹp.	
Phong cách nghệ thuật độc đáo	Truyện truyền kì sử dụng ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh, thể hiện sự kết hợp giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ dân gian.	
	Các tác giả sáng tạo những hình ảnh, chi tiết, mô típ mang đậm dấu ấn cá nhân.	

Câu 2. Những điểm giống, khác nhau của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì và yếu tố kì ảo trong một số thể loại văn học khác (truyện thuyết, truyện cổ tích, truyện ngắn hiện đại)

*** Giống nhau:**

- Bản chất: Kì ảo là yếu tố hư cấu, phi thực tế, mang tính hoang đường, kì diệu.
- Chức năng:
 - + Tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn cho tác phẩm.
 - + Thể hiện quan niệm của con người về thế giới, cuộc sống và con người.
 - + Phản ánh ước mơ, niềm tin của con người.

*** Khác nhau:**

Thể loại	Yếu tố kì ảo	Mục đích	Ví dụ
Truyện kì	Kì ảo đan xen hiện thực	Thể hiện quan niệm đạo đức, triết lí nhân sinh, ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người	Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên, Từ Thức gặp tiên
Truyện thuyết	Kì ảo gắn liền với lịch sử	Ca ngợi công lao dựng nước, giữ nước của các vị anh hùng, thể hiện niềm tự hào dân tộc	Lạc Long Quân và Âu Cơ, An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy
Cổ tích	Kì ảo thể hiện ước mơ, niềm tin vào cái thiện, cái đẹp	Giáo dục đạo đức, bài học cuộc sống, rèn luyện phẩm chất tốt đẹp	Tấm Cám, Sọ Dừa, Cây khế
Truyện ngắn hiện đại	Kì ảo ít xuất hiện, thường mang tính biểu tượng, ẩn dụ	Phản ánh hiện thực xã hội, thể hiện quan niệm về con người và cuộc sống	Muối của rừng (Nguyễn Huy Thiệp)

Câu 3. Giới thiệu ngắn gọn về một tác phẩm văn học hiện đại có yếu tố kì ảo:

Bức tranh thiếu nữ áo lục của nhà văn Quế Hương đã qua yếu tố kì ảo dựng lên một bi kịch tình thần, đồng thời gợi dậy những nhận thức về cái đẹp, về lối sống nhân văn trong mỗi chúng ta.

Bì kịch của người họa sĩ trong *Bức tranh thiếu nữ áo lục* bắt đầu từ lúc “vị cứu tinh” tình cờ xuất hiện. “Anh ta đến chỉ tình cờ núp mưa và chột rùng mình trước bức tranh ế ẩm của người họa sĩ vô danh (...). Vốn sống bằng nghề môi giới tranh, anh ta đánh hơi thấy mình sẽ được gì từ cái gallery thừa thớt mấy người này. Anh ta trở lại với một trùm buôn tranh với tầm cỡ quốc tế, đặc biệt sính tranh Á Đông (...). Nhưng cũng từ đó, cuộc sống anh không còn yên ổn nữa. Tiền bạc, danh vọng ủa vào anh như một lũ xâm lăng. Chúng làm mất quân bình mọi cái, khuôn đi mọi cái, thay đổi mọi cái. Ngay cả anh cũng không nhận ra vợ con, bạn bè mình. Họ đẹp ra, sang ra, thân tình hết mực nhưng... hoàn toàn xa lạ”.

Mượn cái kì ảo, nhà văn thể hiện sự nâng niu, đề cao cái Đẹp giữa cuộc đời trần thế. Thì ra, cái đẹp vẫn tồn tại, cứu rỗi tâm linh con người, vượt lên trên những khổ đau hệ lụy của đời sống dù cho nhiều khi nó cũng phải trải qua lăm nổi truân chuyên. Thế giới vẫn được xây dựng trên lòng trung thực, khát vọng công lý và vẻ đẹp trường tồn.

Yếu tố kì ảo không chỉ giúp nhà văn Quế Hương biểu hiện quan niệm về thế giới đa chiều và con người tâm linh mà còn thể hiện cảm hứng nhận thức lại thực tại. Có lẽ bởi vậy mặc dù nhà văn gửi bao triết lí sâu xa nhưng truyện vẫn không hề khô khan, ngược lại rất sinh động, cuốn hút.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 5: Tiếng cười của hài kịch.**
c lĩnh vực khác nhau

